

CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 19 tháng 03 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Mã chứng khoán: **SVI**

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (84-61) 3836121 - 3836122

Fax: (84-61) 3832939

Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN HOÀNG**

Địa chỉ: Công ty CP bao bì Biên Hòa, đường số 7, KCN Biên Hòa 1, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại : 0909020436 hoặc (84-61) 3836121 – 3836122 gọi số nội bộ 102.

Fax:

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố :

Báo cáo thường niên năm 2013

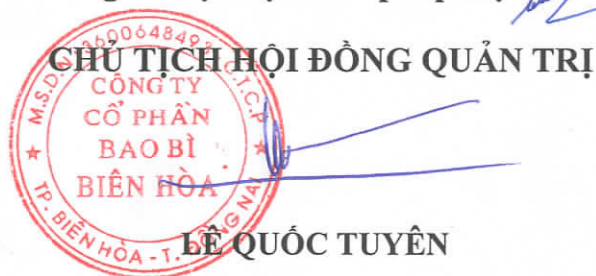
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/03./2014 tại đường dẫn www.sovi.com.vn vào mục “Quan hệ cổ đông” của công ty

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2013

Người đại diện theo pháp luật





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

SOVI LUÔN LÀ NGƯỜI ĐỒNG HÀNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

”

Mục Lục

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1-2

THÔNG TIN CHUNG

4-19

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

20-41

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

42-49

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai
4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

50-56

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ

57-68

2. Hội đồng quản trị
3. Ban Kiểm soát
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

69

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị cổ đông!

Năm 2013 đã đi qua khi vẫn còn đó những khó khăn chung của nền kinh tế như lạm phát, chính sách tiền tệ chưa ổn định, sự tăng giá của nhiều mặt hàng nói chung và của ngành bao bì nói riêng đã ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của CTCP Bao Bì Biên Hòa (SOVI).

Về phía doanh nghiệp, trong năm 2013, bằng những nỗ lực không ngừng của tập thể Lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV, SOVI đã vinh dự nằm trong danh sách TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam do tạp chí Forbes công bố và TOP 200 Thương hiệu Việt Nam và TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013 do Vietnam Report phối hợp với báo VietNamNet công bố. Đây là sự kiện đánh dấu và ghi nhận sự phát triển của SOVI qua hơn 45 năm hoạt động và duy trì sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Bước sang năm 2014, đánh giá và nhận diện rõ những khó khăn trước mắt, Hội đồng quản trị vẫn tin tưởng rằng, với năng lực quản trị và tư duy luôn đổi mới của Ban điều hành, cùng nhiệt huyết của tập thể CB-CNV, SOVI sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, tiếp tục tạo niềm tin với cổ đông, giữ vững uy tín thương hiệu trên thị trường và xây dựng, gìn giữ và phát huy văn hóa doanh nghiệp.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc tới Quý vị cổ đông, khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên CTCP Bao Bì Biên Hòa.

Trân trọng kính chào !

Lê Quốc Tuyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TÂM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ và giải pháp bao bì đáng tin cậy hàng đầu Việt Nam.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Chí trọng chữ tín

Liên tục cải tiến

Tôn trọng pháp luật

Môi trường làm việc cởi mở thân thiện

Chung tay xây dựng cộng đồng



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁT QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HOÀ

TÊN TIẾNG ANH:	BIEN HOA PACKAGING COMPANY
TÊN VIẾT TẮT:	SOVI
GIẤY CNĐKKD SỐ:	Số 3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/08/2003, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/08/2013
VỐN ĐIỀU LỆ:	106.978.420.000 đồng (Một trăm lẻ sáu tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)
VỐN CHỦ SỞ HỮU:	106.978.420.000 đồng (Một trăm lẻ sáu tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)
ĐỊA CHỈ:	KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
ĐIỆN THOẠI:	(84-061) 3 836 121- 3 836 122
FAX:	(84-061) 3 832 939
EMAIL:	baobibienhoa@hcm.vnn.vn
WEBSITE:	http://www.sovi.com.vn
MÃ CỘ PHIẾU:	SVI

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

SOVI được thành lập, tiền thân là nhà máy sản xuất bao bì giấy gọn sóng đầu tiên tại miền Nam Việt Nam với công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, công suất thiết kế lên đến 4.000 tấn/năm

Nhà máy được Nhà nước tiếp quản và chuyển thành doanh nghiệp quốc doanh với tên là Nhà máy bao bì Biên Hòa, và "SOVI" được lấy làm thương hiệu.

Tiến hành đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để nâng công suất lên 20.000 tấn/năm và chính thức trở thành nhà sản xuất bao bì carton gọn sóng hàng đầu của Việt Nam.

Tiếp nối những thành công trên, SOVI mạnh dạn đầu tư thêm phân xưởng sản xuất hộp giấy cao cấp với dây chuyền công nghệ in offset hiện đại của Ý, Thụy Sĩ, Nhật Bản

Nhà Máy Bao Bì Biên Hòa thực hiện chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp, đổi tên thành Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa trực thuộc Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai. "SOVI" vẫn được duy trì là tên thương hiệu của công ty.

Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mặt hàng, đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất đưa năng suất sản xuất Hộp giấy in offset lên 3.000 tấn/năm.



1968

1978

1997

2000

2003

2004

Đầu tư mở rộng thêm nhà máy bao bì Carton với diện tích 4,5ha tại đường số 3, Khu công nghiệp Biên Hòa nâng công suất lên 30.000 tấn/năm.

Hệ thống ERP với giải pháp Oracle E Business Suite được triển khai đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm thời gian trong việc quản lý, triển khai công việc liên thông phòng ban. Hệ thống ERP bắt đầu triển khai từ tháng 04/2007 gồm các phân hệ Phòng kinh doanh bán hàng, kế toán – tài chính, kế hoạch sản xuất, xuất nhập kho và cùng với các bộ phận liên quan khác...

Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mặt hàng hộp giấy in offset lên công suất 5.000 tấn/năm.

Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì carton giai đoạn 2 tại địa điểm mới 4,5 ha, đường số 12, KCN Biên Hòa 2- nâng công suất thiết kế sản phẩm lên 45.000 tấn/năm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của thị trường, đồng thời khẳng định uy tín và thương hiệu SOVI trên thương trường.

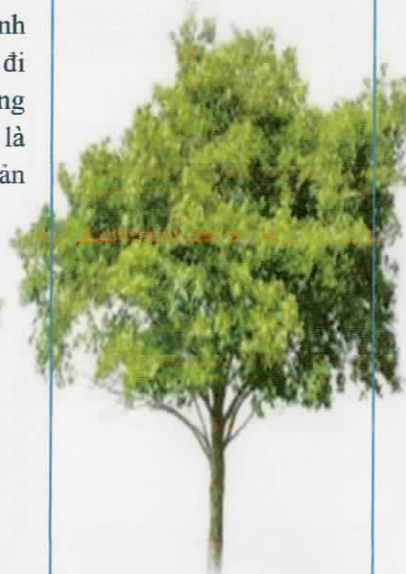
Ngày 04/12/2008, Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

SOVI tiếp tục đầu tư mở rộng thêm nhà máy bao bì Carton giai đoạn 1 tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương có công suất 30.000 tấn/năm, với diện tích 5,7 ha, nâng công suất thiết kế sản xuất bao bì carton toàn công ty lên 75.000 tấn/năm.

Ngày 05/03/2012, Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà (SOVI) chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SVI.

Nhà máy bao bì carton ở Mỹ Phước, Bình Dương chính thức đi vào hoạt động với công suất giai đoạn đầu là 30.000 tấn sản phẩm/năm.

Nâng vốn điều lệ lên 106.978.420.000 đồng (Một trăm lẻ sáu tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) theo giấy chứng nhận kinh doanh số 3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/08/2013.



2005

2007

2008

2012

2013

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC



CÁC ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

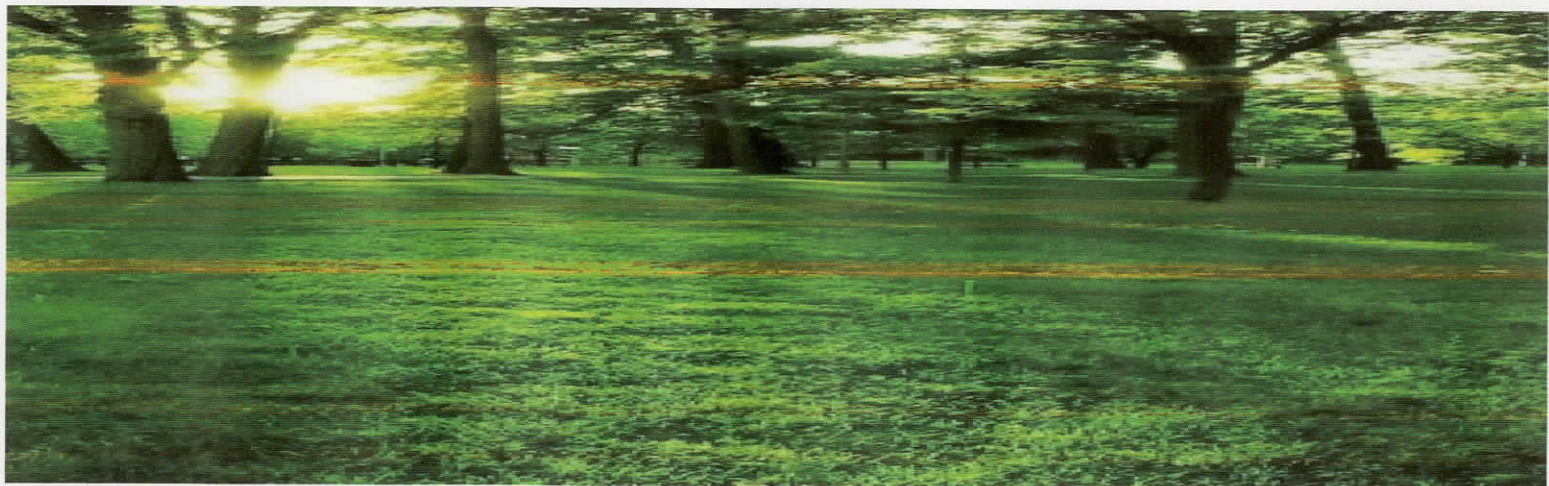
- Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bì
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì (sản xuất giấy)
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Buôn bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy)
- In ấn



ĐỊA BÀN KINH DOANH



- **Trụ sở chính tọa lạc tại:**
Địa chỉ: KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- **Chi nhánh: NHÀ MÁY BAO BÌ CARTON-**
Công Ty Cổ Phần Bao Bì Biên Hòa
Địa chỉ: Đường số 3, KCN Biên Hòa, Đồng Nai
- **Chi nhánh: NHÀ MÁY BAO BÌ GIẤY BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



**GIÁM ĐỐC
CÔNG TY**

**PGĐ
KINH DOANH**

TBP KINH DOANH

**PGĐ
KỸ THUẬT**

TBP QTCL

TBP KT-CD

TB AT- BHLĐ

TBP NCPT

**TL GD
SẢN XUẤT**

QĐX XEO GIẤY

QĐX CARTON

QĐX OFFSET

TBP KHSX

**PGĐ
NỘI CHÍNH**

TCĐ BTCĐ

TBP QTHC

TBP TCNS

TB MÔI TRƯỜNG

TBP TC-KT



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Đối với môi trường

Là một trong những ngành thân thiện với môi trường, SOVI luôn đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng về môi trường. Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường nhằm góp phần giữ gìn và nâng cao chất lượng môi trường làm việc của CB-CNV của Công ty nói chung và xã hội nói riêng. Với bao bì giấy ngày một thay thế bao bì nhựa và kim loại vì yếu tố môi trường, đây chính là mấu chốt cho sự phát triển bền vững của SOVI trong tương lai. Ngoài ra, bằng những hành động cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của từng thành viên trong tổ chức.

Đối với xã hội và cộng đồng

Với ý thức trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng là một phần quan trọng trong hoạt động của Công ty, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV luôn tích cực tham gia, hưởng ứng, đóng góp cho các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển thật bền vững, tiến bộ thông qua các hoạt động như: ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai; xây nhà tình thương, tình nghĩa; nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà cho học sinh giỏi vượt khó, tặng quà tết cho người nghèo, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo, v.v. Trong năm 2013, Công ty đã đóng góp trên 800 triệu đồng cho các hoạt động Xã hội này.

RỦI RO KINH TẾ

Ngành sản xuất bao bì có những đặc thù riêng biệt trong đó phải kể đến sự phụ thuộc vào sản lượng sản xuất của những doanh nghiệp khác (đặc biệt là những doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến và tiêu dùng), vì vậy khi nền kinh tế biến động sẽ gây ra những hệ quả dây chuyền ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của công ty. Nền kinh tế biến động theo chiều hướng xấu sẽ làm cho hệ thống sản xuất kinh doanh của tất cả các ngành kinh tế bị ảnh hưởng theo. Tổng cầu giảm, chi phí sản xuất cao sẽ làm cho các doanh nghiệp cắt giảm tối đa chi phí sản xuất, giảm sản lượng điều đó làm cho doanh thu của doanh nghiệp thay đổi. Đây là một rủi ro có tính hệ thống.

Năm 2013 nền kinh tế Việt Nam đã từng bước ổn định, tăng trưởng và sản xuất đã có sự chuyển biến tích cực vào cuối năm. Tuy nhiên, tăng trưởng nhìn chung vẫn còn ở mức thấp, cân đối ngân sách còn nhiều thách thức làm cho các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn; lạm phát tăng cao nên nhu cầu tiêu dùng cũng giảm thiểu đáng kể đã gây ra rất nhiều khó khăn cho công ty.

Khách hàng của Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa chủ yếu hoạt động trong ngành sản xuất hàng thực phẩm, hàng tiêu dùng nên mặc dù cũng chịu ảnh hưởng từ biến động của nền kinh tế nhưng ảnh hưởng đó không lớn như những ngành kinh doanh khác.

Nhằm hạn chế tác động từ những bất ổn của nền kinh tế, SOVI luôn đề ra những chiến lược kinh doanh linh động, luôn có những phương án kinh doanh dự phòng và cập nhật thông tin của nền kinh tế thường xuyên.

RỦI RO CẠNH TRANH

Cùng với sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế nước ta, đặc biệt là những ngành sản xuất công nghiệp ở vùng trọng điểm phía Nam luôn tăng trưởng cao và ổn định, bình quân 15%-20%/năm, dẫn đến ngành sản xuất bao bì carton cũng tăng theo tương ứng. Với rào cản thương mại thấp, cộng với sự tăng trưởng luôn đạt mức ổn định đã làm cho nhiều nhà đầu tư trong nước cũng như ngoài nước gia nhập ngành, và hiện nay cũng đã có nhiều nhà đầu tư nước ngoài như Vĩnh Phong Du, Chenglung,... đã đầu tư nhà máy sản xuất bao bì carton với công suất lớn. Do đó, áp lực cạnh tranh của ngành bao bì giấy ngày càng cao.

SOVI hiện nay là một trong những đối thủ lớn của các doanh nghiệp cùng ngành. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, mở rộng dây chuyền sản xuất và nỗ lực tìm kiếm khách hàng luôn được công ty nghiêm túc thực hiện đảm bảo cung cấp nhanh chóng những sản phẩm chất lượng làm hài lòng khách hàng, giúp củng cố và nâng cao vị thế doanh nghiệp.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, công bố thông tin, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều gây ra những ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro lãi suất

Lãi suất luôn là rào cản đối với hoạt động của mọi doanh nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Với đặc thù ngành là sản xuất bao bì chủ yếu cho các ngành công nghiệp chế biến và tiêu dùng nên thường xuyên phát sinh nhu cầu nguồn vốn tín dụng ngắn hạn, do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của SOVI. Trong năm 2013, mặt bằng lãi suất cho vay đã trở về mức hợp lý hơn đã giúp cho các doanh nghiệp tháo gỡ được phần nào những khó khăn hiện tại. Đây là một tín hiệu lạc quan hơn trong tương lai. Tuy nhiên, để chủ động nguồn vốn trong kinh doanh, Công ty đã thực hiện việc đàm phán với khách hàng để rút ngắn thời hạn thu tiền trung bình như từ 75 ngày xuống còn 60 ngày, đồng thời tăng thời hạn trả nợ từ 45 ngày lên 60 ngày, v.v... Chính điều này đã hạn chế những bất ổn và ảnh hưởng từ lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Với nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như các trang thiết bị, dây chuyền sản xuất của SOVI chủ yếu được nhập từ nước ngoài, theo đó khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Vì thế, Công ty sẽ chủ động tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trong nước phù hợp cũng như có phương án dự phòng hợp lý để hạn chế tối đa các tổn thất có thể xảy ra.

Rủi ro khác

Bên cạnh đó, những ảnh hưởng từ các loại thuế cũng tác động đến chi phí và lợi nhuận của Công ty. Chính sách thuế của Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện gây cho doanh nghiệp nhiều khó khăn.

RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Nhân lực luôn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Hiện nay, nguồn nhân lực cho ngành sản xuất nhiều nhưng trình độ chưa cao cùng với tỷ lệ biến động số lượng cũng gây ra nhiều tổn thất cho công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn đặt chất lượng và gắn kết dài lâu làm tiêu chí tuyển dụng, đồng thời xây dựng môi trường làm việc thân thiện, công bằng cùng những chính sách thương, thương hợp lý vì sự phát triển vững bền của Công ty.

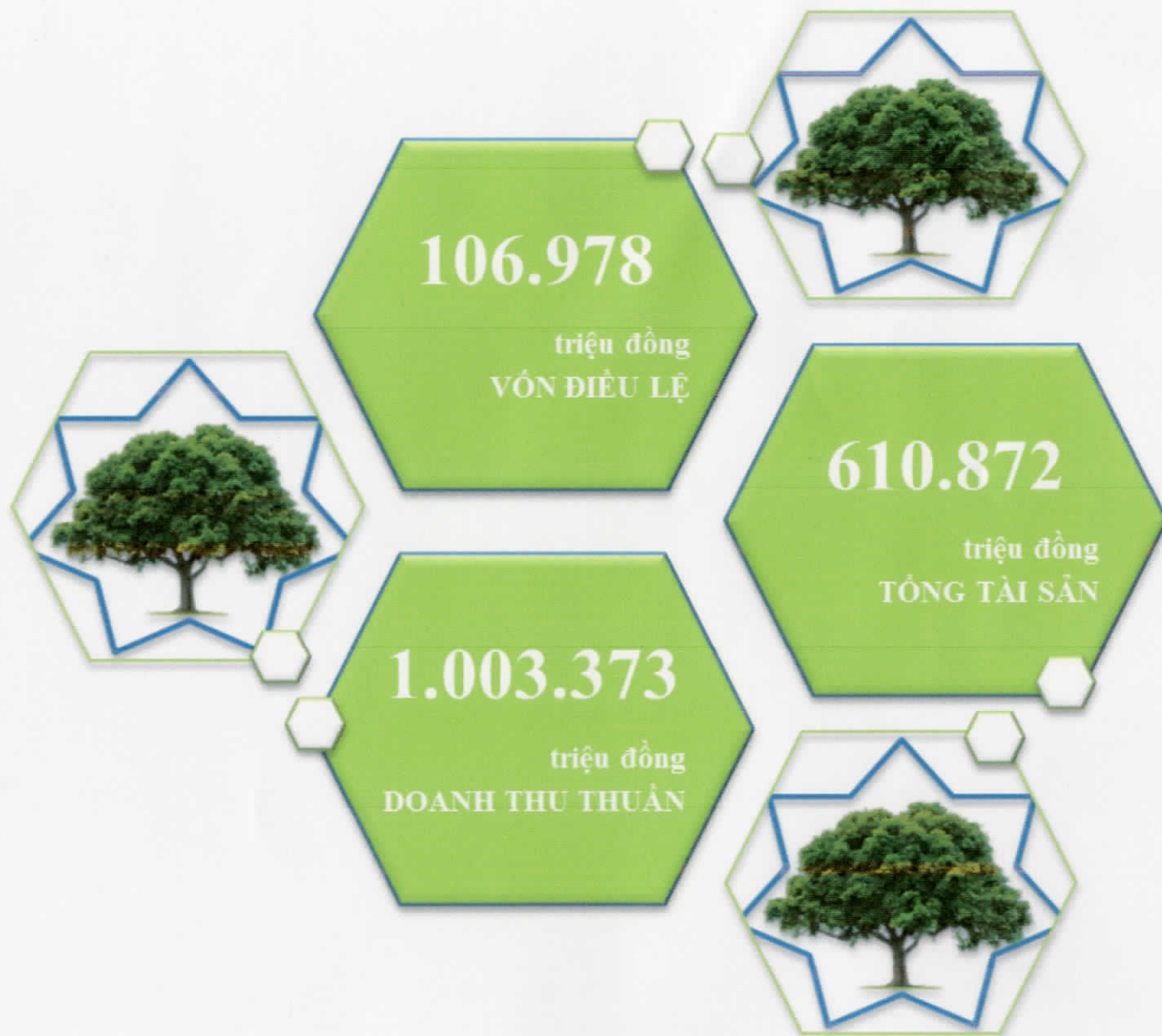
RỦI RO KHÁC

Các rủi ro do thiên tai, địch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Theo đó, để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động và mua bảo hiểm cho tài sản và con người của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

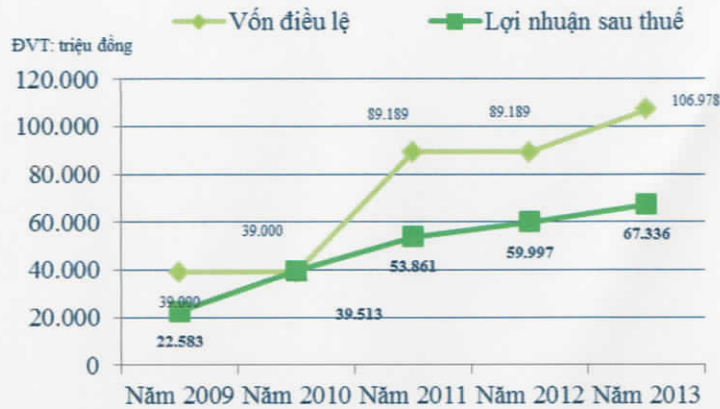


TÌNH HÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH 2013

ĐVT : triệu đồng

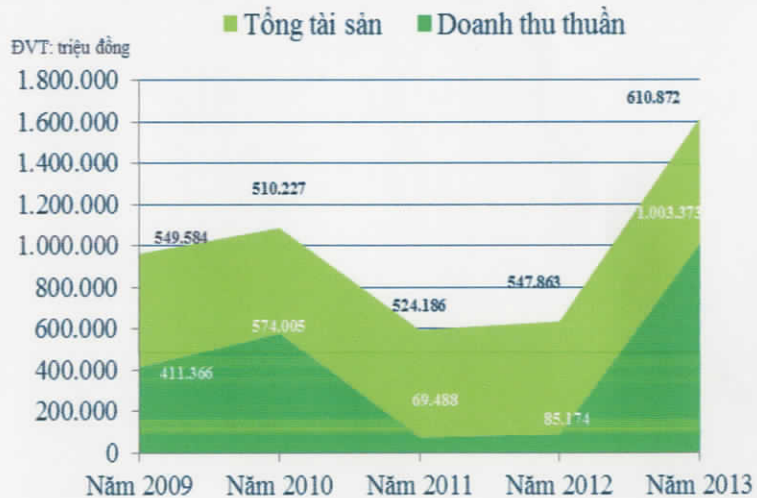
Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% Thực hiện so với kế hoạch 2013	% tăng/giảm so với 2012
Sản lượng (tấn)					
Gồm: - Bao bì Carton	42.683	48.000	48.104	100,22	112,70
- Bao bì in offset	5.430	5.500	6.067	110,31	111,73
- Bao bì hộp	2.539	2.700	2.394	88,67	94,29
Tổng tài sản	549.662	576.607	610.872	105,94	111,14
Doanh thu thuần	851.749	950.000	1.003.373	105,62	117,80
Lợi nhuận từ HĐKD	64.333	74.200	69.618	93,82	108,22
Lợi nhuận khác	892	800	446	57,75	50,00
Lợi nhuận trước thuế	65.225	75.000	70.064	93,42	107,42
Lợi nhuận sau thuế	59.997	69.000	67.336	97,59	112,23
Tỉ lệ cổ tức (%)	20	20	20	100,00	100,00
Thu nhập bình quân	8.00	7.50	9.50	126,67	118,75
Đầu tư	146.290	10.000	8.005	80,05	5,47
Công tác xã hội	630	1.000	803	80,30	127,46

VỐN ĐIỀU LỆ- LỢI NHUẬN SAU THUẾ



Trong kế hoạch dài hạn 2013 – 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 29/03/2013, Công ty dự định đến năm 2014, doanh thu mới đạt mốc 1.000 tỷ. Tuy nhiên đến năm 2013, doanh thu thuần đã vượt qua mức 1.000 tỷ, tăng 152 tỷ, tương ứng tăng 17,8% so với thực hiện năm 2012 và đạt 105,6% so với kế hoạch đã đề ra. Đây là sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể Công ty. Nhìn chung, các chỉ tiêu lợi nhuận đều duy trì mức tăng trưởng ổn định từ 7%-10%. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế đạt 67,3 tỷ, tăng 12,23% với năm 2012. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng trong tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp hiện nay. Tuy nhiên, với những khó khăn chung không thể tránh khỏi như chi phí của một số nguyên vật liệu đầu vào như xăng, dầu, điện, nước đều tăng, đặc biệt giá cả nguyên liệu chính là giấy vẫn đứng ở mức cao cộng với chi phí lãi vay tăng, nhà máy chưa hoạt động hết công suất,..trong khi giá bán sản phẩm có xu hướng giảm đã làm cho lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 97,59% so với kế hoạch đã đề ra. Ngoài ra, việc đảm bảo duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức ở mức cao 20%, bằng thực hiện năm 2012 đã thể hiện sự cố gắng của Ban điều hành cùng tập thể CBCNV vì lợi ích của cổ đông.

DOANH THU THUẦN- TỔNG TÀI SẢN



BAO BÌ OFFSET

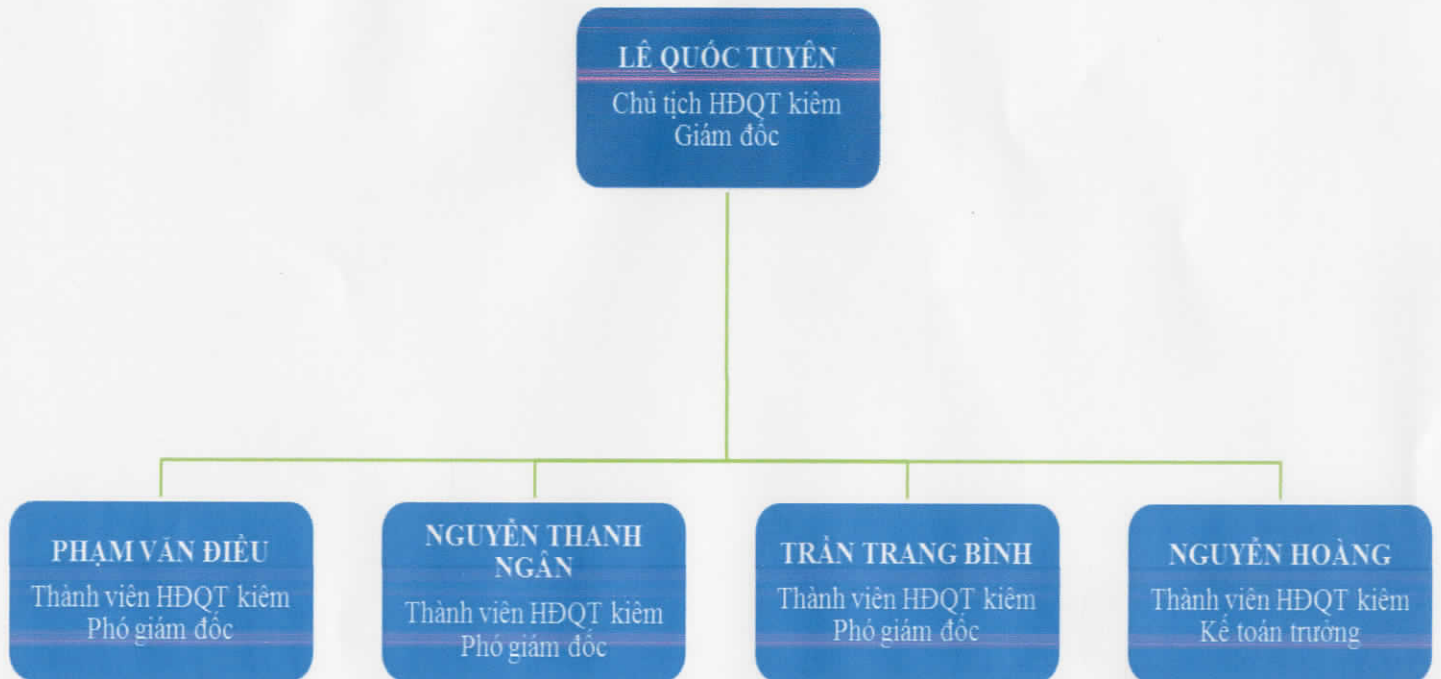


BAO BÌ CARTON



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **LÊ QUỐC TUYỀN**

Giám đốc, kiêm Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 69.097 cổ phần

Quá trình công tác:

Từ 1979 – 1989:

Nhân viên, Phó phòng, quyền Trưởng phòng kỹ thuật Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 1989 – 08/2003:

Trợ lý giám đốc, Phó giám đốc, Giám đốc Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – nay:

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.



Ông **PHẠM VĂN ĐIỀU**

Phó Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 106.422 cổ phần

Quá trình công tác:

Từ 1/1991 – 6/1996:

Quản đốc phân xưởng và trợ lý giám đốc Công ty Gốm Đồng Nai.

Từ 07/1996 – 12/1996:

Phó phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 01/1997 – 06/1997:

Phó giám đốc nhà máy điện cơ Đồng Nai.

Từ 07/1997 – 03/2001:

Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh cao su Kenda Việt Nam.

Từ 04/2001 – 05/2002:

Trưởng phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 06/2002 – 08/2003:

Phó Giám đốc Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – nay:

Phó giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT CTCP bao bì



Bà **NGUYỄN THANH NGÂN**

Phó Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 94,608 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 1979 – 1985:

Cán bộ kỹ thuật Sứ công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Từ 1985 – 08/2003:

Phó phòng kế hoạch vật tư Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – 2004:

Thành viên HĐQT kiêm phó phòng kế hoạch vật tư Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

Từ 2004 – nay:

Thành viên HĐQT kiêm phó giám đốc Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.



Ông **TRẦN TRANG BÌNH**

Phó Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Số cổ phần nắm giữ: 99.146 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 06/1995 – 09/1996:

Nhân viên kỹ thuật Công ty cổ phần gỗ Tân Mai.

Từ 09/1996 – 05/2002:

Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 06/2002 – 08/2003:

Phó giám đốc Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – nay:

Phó giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa



Ông **NGUYỄN HOÀNG**

Kế toán trưởng, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 5.691 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 1999 – 2001 :

Phó giám đốc kinh doanh Công ty TNHH SX-TM –DV Ngọc Tuấn.

Từ 2001 – 2003:

Kế toán trưởng nhà máy Đông Lạnh Cần Giờ

Từ 2003 – 2005:

Kế toán trưởng Công ty TNHH Mộc Hòa Bình kiêm trợ lý kế toán trưởng Công ty CP XD và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình.

Từ 1/2006 – 12/2009:

Phó bộ phận tài chính kế toán Công ty CP bao bì Biên Hòa

Từ 1/2010 – nay:

Trưởng bộ phận tài chính kế toán Công ty CP bao bì Biên Hòa.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác tổ chức

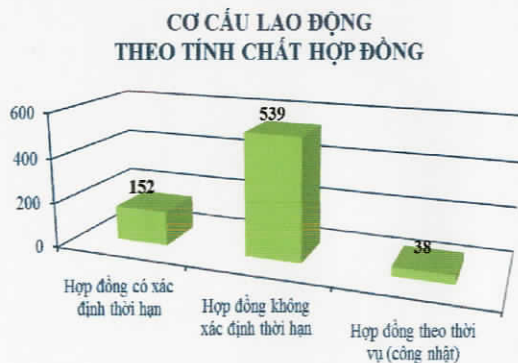
Công ty tiếp tục nâng cao tay nghề cho CBCNV thông qua nhiều hình thức đào tạo bên trong lẫn bên ngoài hoặc mời các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về đào tạo chuyên ngành quản lý, kỹ thuật, sản xuất cho CBCNV. Ngoài ra, công ty cũng tự tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ về kỹ năng giao việc, kiểm soát và đánh giá kỹ năng giải quyết sự cố; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hướng dẫn vận hành theo quy trình, quy định và tiêu chuẩn công việc, PCCC, an ninh tự vệ,...

Công tác tuyển dụng vẫn được duy trì thường xuyên đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tiếp tục khuyến khích tuyển dụng theo phương thức thời vụ đối với những công đoạn sản xuất giản đơn nhằm tiết giảm chi phí.

Chính sách lương

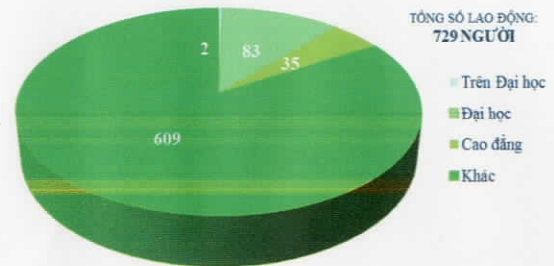
Tiền lương, tiền thưởng được thực hiện trên cơ sở Quy chế được thống nhất đảm bảo giữa hiệu quả SXKD, đáp ứng nhu cầu của người lao động, và cạnh tranh. SOVI tiếp tục thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Trong năm 2013, Công ty đã áp dụng việc trả lương theo kết quả đánh giá hoàn thành công việc. Định kỳ hàng quý, căn cứ hiệu quả SXKD, Công ty duy trì chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên và thúc đẩy người lao động đã tích cực, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao trong lao động sản xuất.

Bảo hiểm và phúc lợi



Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, trong đó đảm bảo việc mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, đo kiểm môi trường, trang bị áo quần, BHLĐ, bồi dưỡng độc hại được Công ty thực hiện thường xuyên kịp thời và đúng quy định. Hàng năm, Công ty định kỳ tổ chức cho CBCNV nghỉ mát và thiện tốt các chính sách đối với lao động nữ, lao động làm việc lâu năm.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



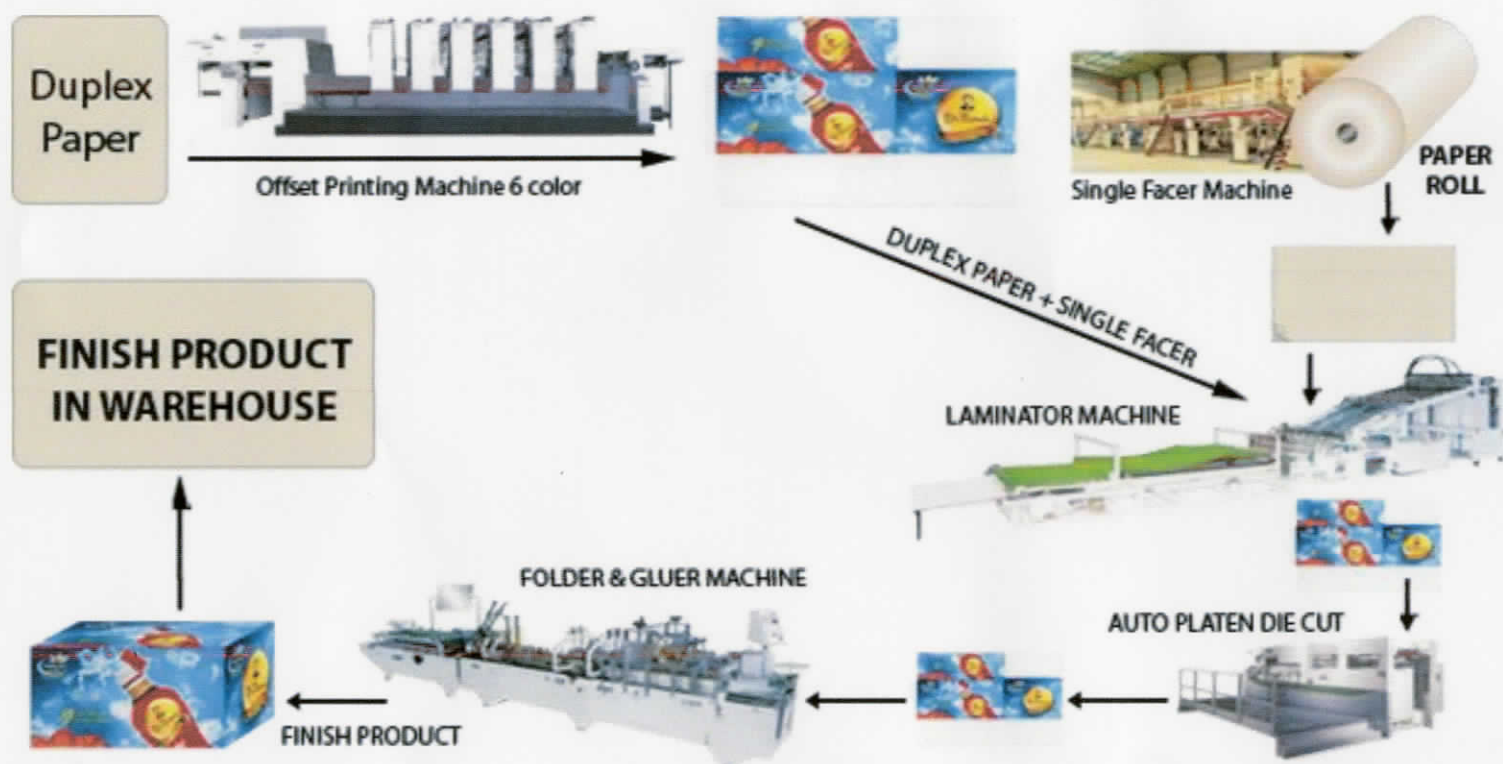
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHCĐ thường niên hàng năm với trình tự thủ tục đầu tư thực hiện đúng theo Luật đấu thầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Các hoạt động đầu tư trong năm 2013 bao gồm:

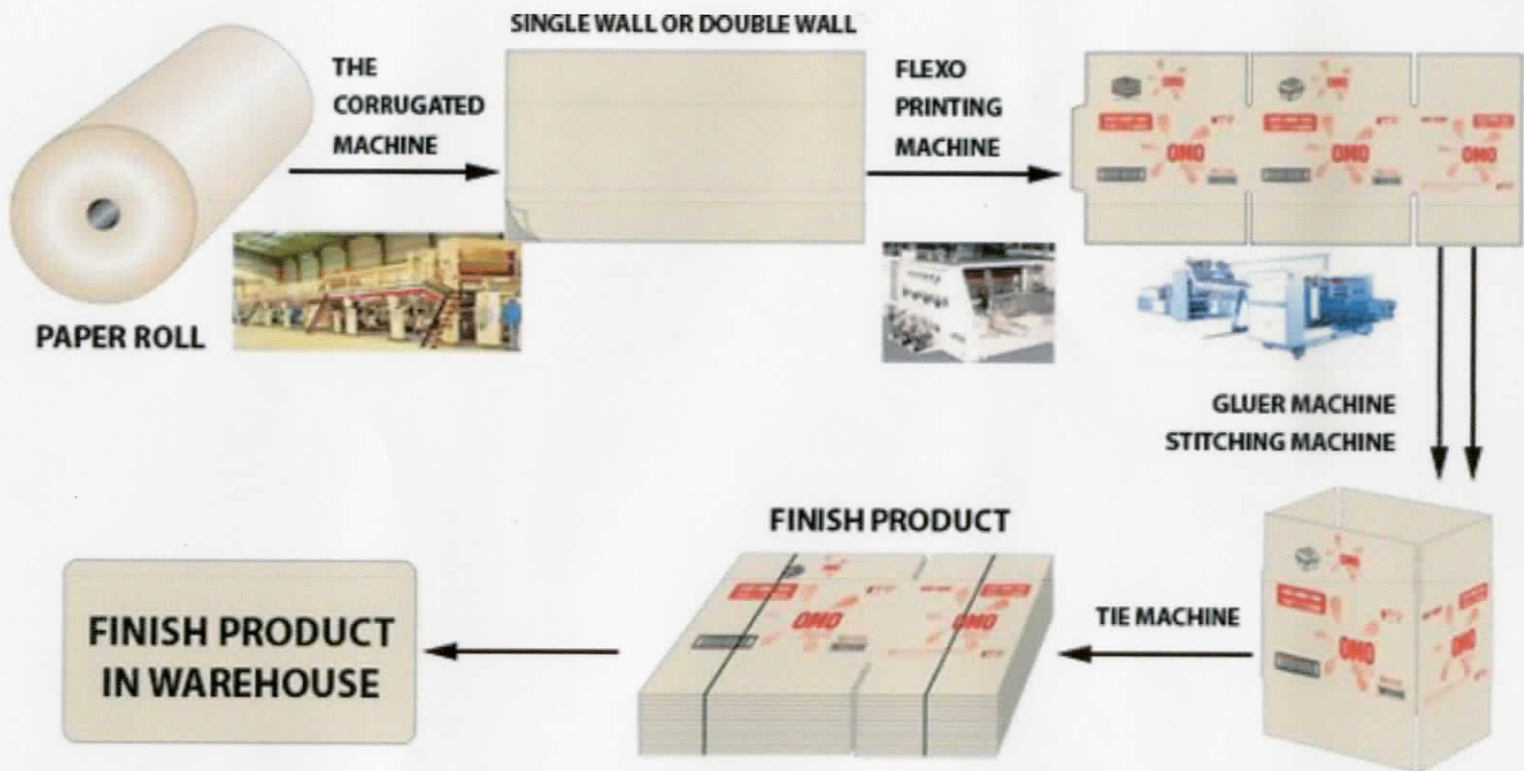
- Đầu tư bổ sung thêm một số máy móc thiết bị và một số trang thiết bị cho nhà máy Mỹ Phước nhằm hoàn thiện, đồng bộ cho các khâu sản xuất.
- Đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị và các phương tiện vận tải tại nhà máy bao bì Biên Hòa với giá trị tổng đầu tư gần 7 tỷ đồng.



CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT BAO BÌ IN OFFSET



CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON



THIẾT BỊ KIỂM TRA VÀ THỰC NGHIỆM

Temperature & Humidity1



Moisture4



Bursting6



Ringcrush7



Rub test5



Bàn cắt mẫu độ nén phẳng2



Bàn cắt mẫu thử ECT3



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

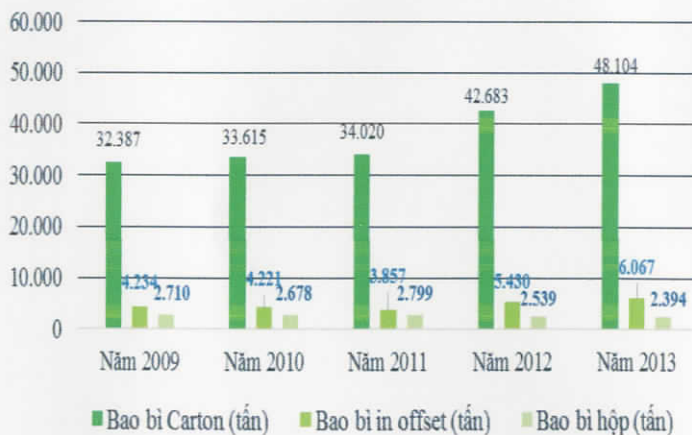
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

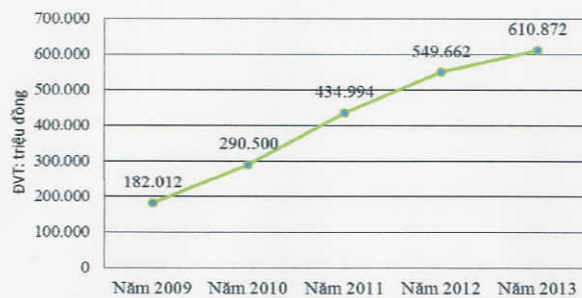
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng/giảm so với 2012
Sản lượng (tấn)			
Gồm: - Bao bì Carton	42,683	48,104	12.70%
- Bao bì in offset	5,430	6,067	11.73%
- Bao bì hộp	2,539	2,394	-5.71%
Tổng tài sản	549,662	610,872	11.14%
Doanh thu thuần	851,749	1,003,373	17.80%
Lợi nhuận từ HĐKD	64,333	69,618	8.22%
Lợi nhuận khác	892	446	-50.00%
Lợi nhuận trước thuế	65,225	70,064	7.42%
Lợi nhuận sau thuế	59,997	67,336	12.23%
Tỉ lệ cổ tức (%)	20	20	0.00%

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG



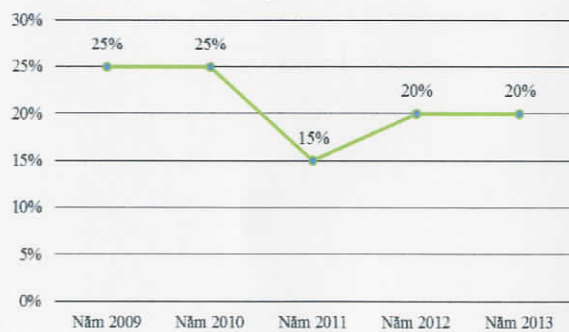
TỔNG TÀI SẢN



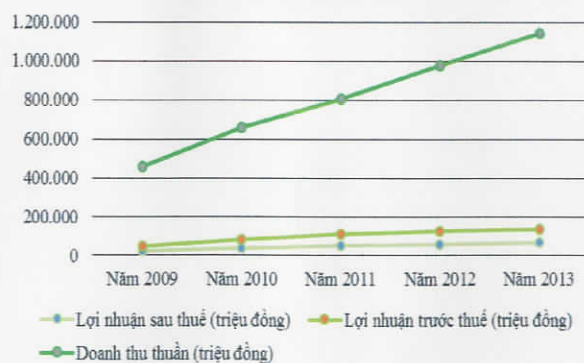
DOANH THU THUẦN



TỶ LỆ CỔ TỨC



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2013/2012
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	(lần)	1,04	1,28	0,24
Hệ số thanh toán nhanh	(lần)	0,74	0,86	0,17

Chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành của Công ty luôn duy trì mức trên một và có xu hướng tăng. Điều này cho thấy khả năng thanh toán của Công ty khá an toàn. Chỉ số thanh toán nhanh mặc dù nhỏ hơn một, tuy nhiên với việc duy trì một tỷ lệ hàng tồn kho hợp lý sẽ giúp doanh nghiệp hoạt động ổn định trong thị trường có nhiều biến động như hiện nay.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CƠ CẤU VỐN

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2013/2012
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	(%)	0,65	0,61	-0,07
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	(%)	1,87	1,56	-0,17

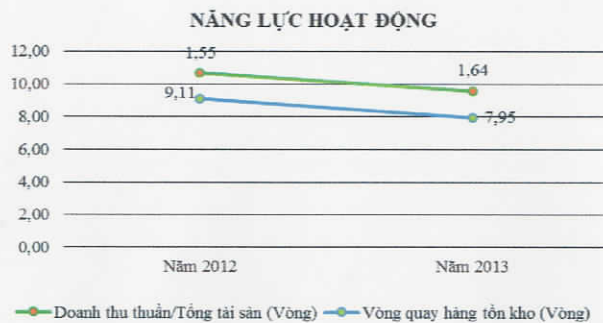
Cơ cấu vốn giữa nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu đều giảm nhẹ so với 2012. Tuy nhiên, đây là cơ cấu vốn hợp lý để doanh nghiệp hoạt động ổn định và kỳ vọng những bước phát triển đột phá trong tương lai.

CƠ CẤU VỐN



NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

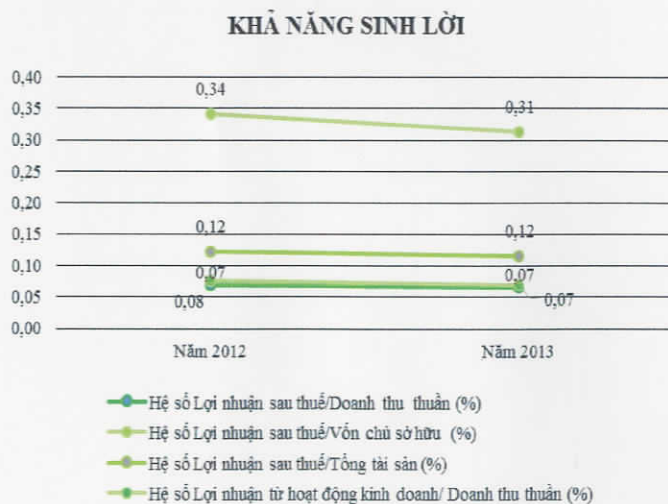
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2013/2012
Vòng quay hàng tồn kho	(Vòng)	9,11	7,95	-0,13
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	(Vòng)	1,55	1,64	0,06



Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2013 có xu hướng giảm so với năm 2012. Nguyên nhân chính là do Công ty đã duy trì mức hàng tồn kho tăng đến 53,32% so với cùng kỳ. Đây cũng là phương án an toàn đối với Công ty khi giá cả thị trường có nhiều biến động.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2013/2012
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(%)	0,07	0,07	-0,05
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(%)	0,34	0,31	-0,08
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(%)	0,12	0,12	-0,05
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	(%)	0,08	0,07	-0,08



So với năm 2012, các tỷ suất sinh lợi của SOVI đều có xu hướng giảm nhẹ. Nguyên nhân phải kể đến như trong khi doanh thu thuần tăng 17,8% nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ tăng ở mức 12,23% dẫn đến hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm 0,33%. Ngoài ra trong năm 2013, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ khi phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu dẫn đến Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ duy trì mức 31,29%. Tuy vậy, đây là tỷ lệ cao và đáng tự hào trong tình hình khó khăn chung như hiện nay.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

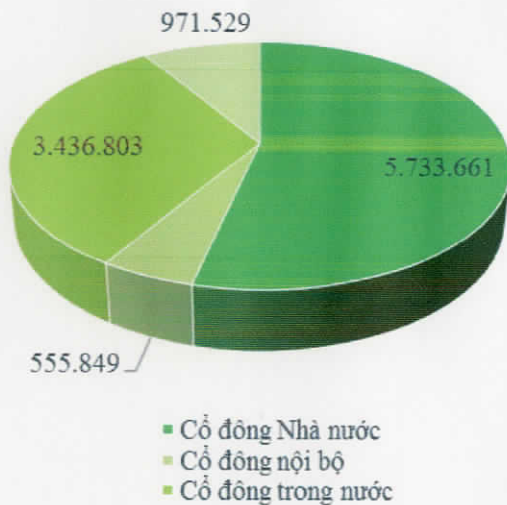


Tổng số cổ phần:	10.697.842 CP
Loại cổ phần đang lưu hành:	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	10.673.542 CP
Số lượng cổ phần Cổ phiếu quỹ:	24.300 CP
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0

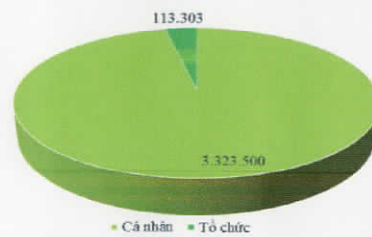
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu			Tỷ lệ sở hữu CP
		Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	Cổ đông Nhà nước	5.733.661	-	5.733.661	53,60%
II	Cổ đông nội bộ	555.849	-	555.849	5,20%
III	Cổ đông trong nước	3.436.803	-	3.436.803	32,13%
	Cá nhân	3.323.500	-	3.323.500	31,07%
	Tổ chức	113.303	-	113.303	1,06%
IV	Cổ đông nước ngoài	971.529	-	971.529	9,08%
	Cá nhân	303.109	-	303.109	2,83%
	Tổ chức	668.420	-	668.420	6,25%
	Tổng cộng	10.697.842	-	10.697.842	100%

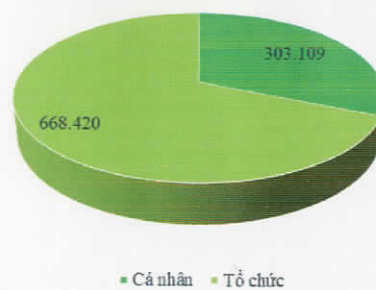
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC



CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

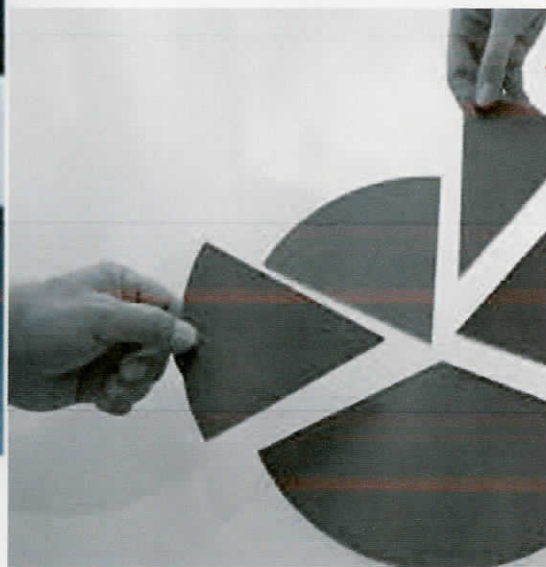


TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với thông tin như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 15/07/2013
- Tỷ lệ thực hiện: 05:01
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.778.852 CP
- Ngày chính thức giao dịch bổ sung: 03/09/2013

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUÝ: không có





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo trong nước, những hạn chế, yếu kém vốn có của nền kinh tế chậm được khắc phục cùng với những vấn đề mới phát sinh tác động không thuận lợi đến ổn định kinh tế vĩ mô. Theo đó, đây vẫn là giai đoạn khó khăn của nền kinh tế Việt Nam khi tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức trong ngắn hạn và chưa có dấu hiệu tăng trưởng cao trong tương lai gần. Năm 2013, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đã đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012. Chính những khó khăn này đã ảnh hưởng không nhỏ đến CTCP Bao Bì Biên Hòa (SOVI) trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Tuy nhiên, với việc nhận diện rõ những khó khăn cũng như tận dụng những lợi thế riêng, Ban điều hành đã đưa ra những quyết định kịp thời, linh hoạt nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định và đã đạt được kết quả đáng khích lệ như sau:

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế	22.583	39.513	53.861	59.997	67.336
Lợi nhuận trước thuế	25.059	43.457	58.796	65.225	70.064
Doanh thu thuần	411.366	574.005	69.488	85.174	1.003.373

Trong năm 2013, sản lượng bao bì carton và bao bì in offset đều vượt kế hoạch và lần lượt tăng 13%, 11% so với năm 2012. Theo đó, doanh thu thuần tăng 151, 62 tỷ (tương ứng tăng 17,8%) so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế đạt mức 67,3 tỷ, tăng 7,3 tỷ so với năm 2012 và đạt 97,6% so với kế hoạch. Tuy vậy, điều đáng ghi nhận là Công ty vẫn duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông là 20% như năm 2012. Đây là tỷ lệ chi trả cao so với các doanh nghiệp cùng ngành cũng như các doanh nghiệp niêm yết trong tình hình khó khăn hiện nay.

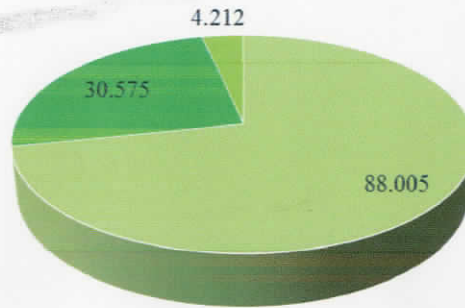
LỢI NHUẬN GỘP THEO NHÓM SẢN PHẨM

Đvt : triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	88.005	71.67	98.627	66.21
Bao bì Offset	30.575	24.90	46.222	31.03
Khác	4.212	3.43	4.115	2.76
Tổng cộng	122.792	100.00	148.964	100.00

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC MẶT HÀNG CHÍNH

LỢI NHUẬN GỘP THEO NHÓM SẢN PHẨM



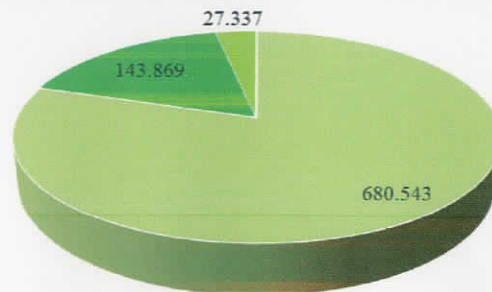
■ Bao bì Carton ■ Bao bì Offset ■ Khác

DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM

Đvt : triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	680.543	79,90%	805.968	80,32%
Bao bì Offset	143.869	16,89%	172.192	17,16%
Khác	27.337	3,21%	25.235	2,51%
Tổng cộng	851.749	100%	1.003.395	100%

DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM



■ Bao bì Carton ■ Bao bì Offset ■ Khác

Nhận diện được những khó khăn và tận dụng về những ưu thế là cách Ban điều hành áp dụng để mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho Công ty. Theo đó, những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh năm 2013 như sau:

THUẬN LỢI

Về phía thị trường

Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp năm 2013 tăng 5,9% so với năm 2012. Đây là mức tăng đáng kể trong thời điểm hiện nay, trong đó ngành sản xuất giấy và sản phẩm về giấy duy trì mức tăng trưởng khá (9%) dẫn đến ngành bao bì giấy vẫn được các chuyên gia đánh giá xu hướng vẫn phát triển ổn định trong tương lai.

Sản phẩm bao bì giấy tiếp tục khẳng định là loại bao bì khó có khả năng thay thế vì tính thân thiện với môi trường. Vì vậy, Công ty gặp thuận lợi trong việc mở rộng thị trường và khai thác tối đa tiềm năng của ngành sản xuất bao bì này.

Về phía doanh nghiệp

Với quá trình phát triển ổn định và tình hình tài chính minh bạch, CTCP Bao Bì Biên Hòa được đánh giá cao về chỉ số tín dụng. Theo đó, SOVI dễ dàng tiếp cận với các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng với chi phí rẻ, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Thương hiệu SOVI ngày càng được khẳng định và giữ vững uy tín với khách hàng. Hiện nay, SOVI tự hào là một trong những nhà cung cấp bao bì carton chính cho thị trường khi vẫn đạt mức tăng trưởng gần 18% trong điều kiện thị trường đang trong giai đoạn suy thoái và nhiều khó khăn.

Tập thể CB-CNV luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, trách nhiệm trong

công việc vì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

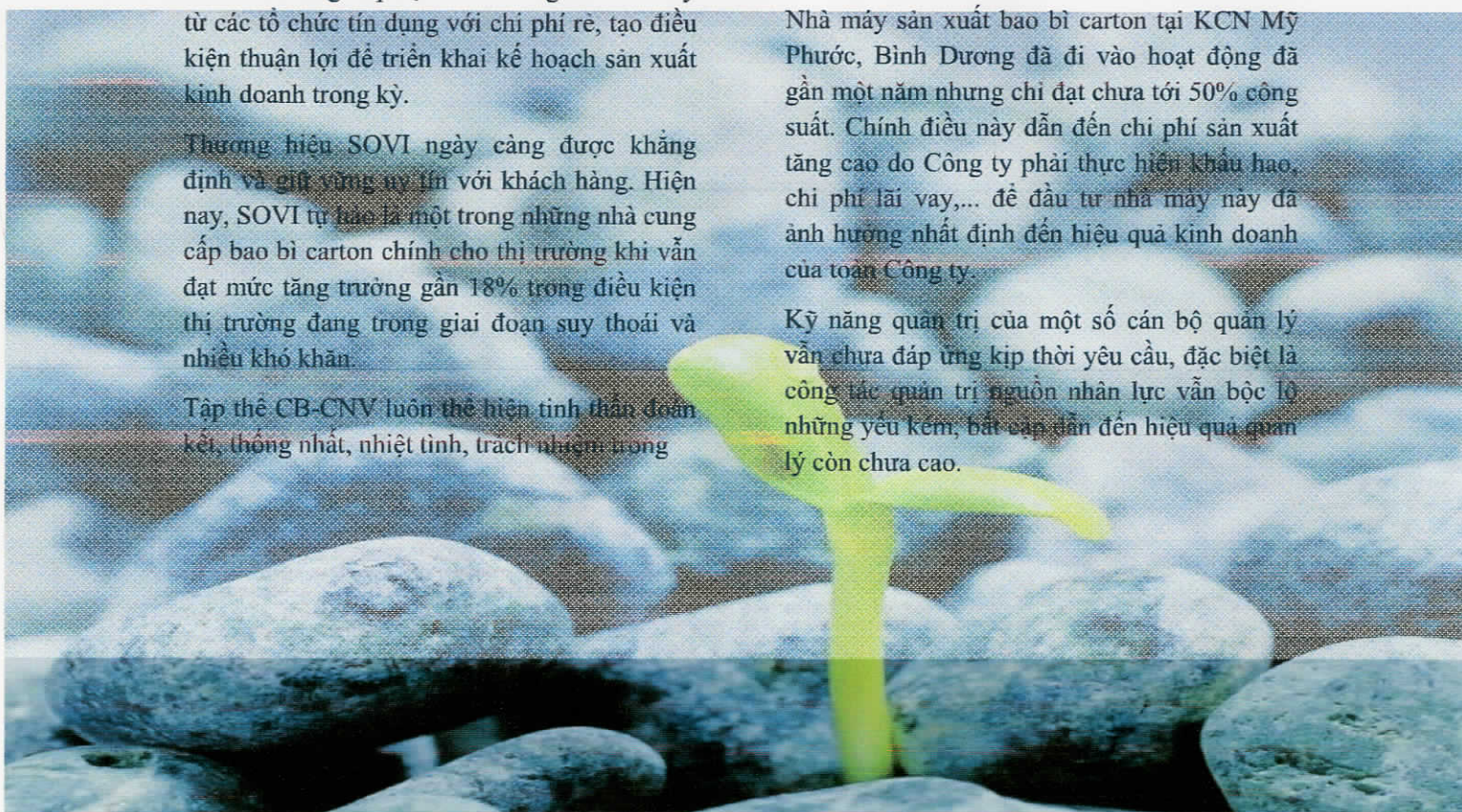
KHÓ KHĂN

Trong điều kiện lạm phát và chỉ số giá đã có xu hướng giảm và ít biến động nhưng giá cả một số nguyên vật liệu chính đầu vào của Công ty như giấy, mực in, bột mì, v.v... hầu như không giảm và còn duy trì ở mức cao. Ngoài ra, giá thành của một số sản phẩm thiết yếu như xăng, dầu, điện, nước,... lại tăng trong khi giá bán sản phẩm trong kỳ lại giảm dưới áp lực cạnh tranh và rào cản thương mại thấp đã ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh trong kỳ.

Những khó khăn chung của doanh nghiệp hiện nay như khó khăn về nguồn vốn, chi phí vốn vay cao,... dẫn đến một số đối tác, khách hàng của Công ty đã thu hẹp sản xuất, hoặc thậm chí đã giải thể, phá sản đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng sản xuất của Công ty trong kỳ.

Nhà máy sản xuất bao bì carton tại KCN Mỹ Phước, Bình Dương đã đi vào hoạt động đã gần một năm nhưng chỉ đạt chưa tới 50% công suất. Chính điều này dẫn đến chi phí sản xuất tăng cao do Công ty phải thực hiện khấu hao, chi phí lãi vay,... để đầu tư nhà máy này đã ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của toàn Công ty.

Kỹ năng quản trị của một số cán bộ quản lý vẫn chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu, đặc biệt là công tác quản trị nguồn nhân lực vẫn bộc lộ những yếu kém, bất cập dẫn đến hiệu quả quản lý còn chưa cao.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty xác định công tác duy trì và cải tiến hệ thống quản lý là công việc phải duy trì thường xuyên. Theo đó, ngay từ đầu năm 2013, Công ty đã tiến hành thẩm định, đánh giá lại Bộ hồ sơ giao việc từ cấu trúc, mục tiêu, quy trình, quy định và hướng dẫn công việc cho đến các tiêu chí đánh giá năng lực và thành tích cho từng CBCNV. Từ đó, Ban lãnh đạo kịp thời đưa ra các giải pháp cải tiến hệ thống quản lý trên cơ sở tinh gọn và thật sự có hiệu quả.

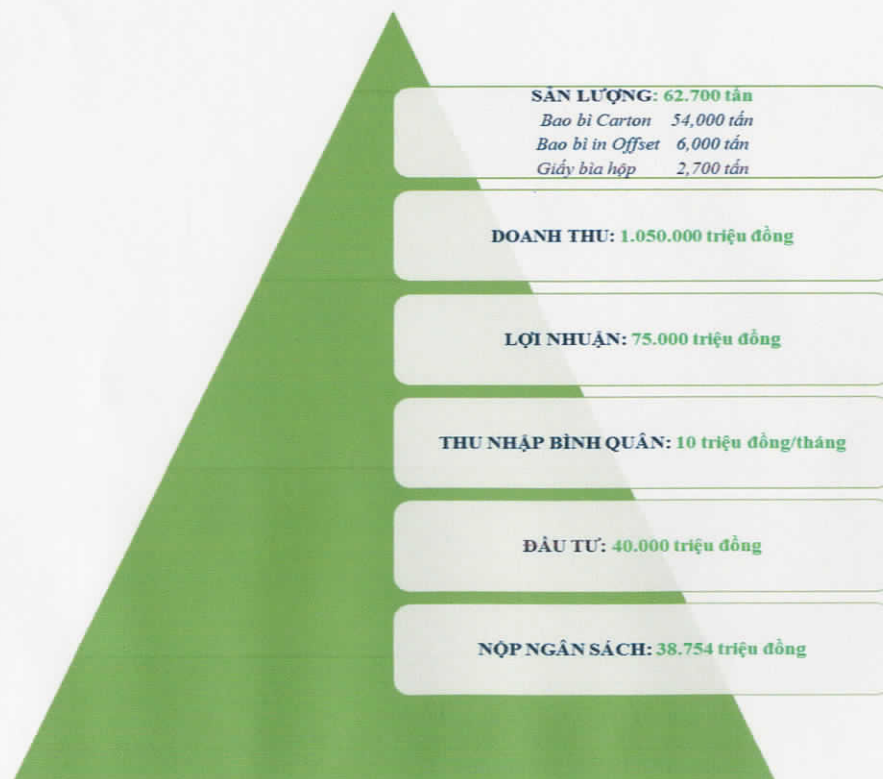


KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2014

Theo Ủy ban giám sát tài chính quốc gia (UBGSTCQG), khi kinh tế thế giới năm 2013 phục hồi chậm chạp và còn nhiều bất trắc. Tăng trưởng GDP toàn cầu thấp hơn so với năm trước (ở mức 2,4% so với 2,5% của năm 2012) thì trong năm 2014, triển vọng phục hồi kinh tế thế giới sẽ rõ nét hơn, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy thương mại và đầu tư. Tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo tăng từ 2,4% năm 2013 lên 3,2% năm 2014, trong đó các nước phát triển tăng từ 4,8% lên 5,3%.

Về phía Việt Nam, theo đánh giá của UBGSTCQG, nếu năm 2003 là năm đầu tiên kể từ 2009 ghi nhận sự suy giảm rõ nét về quy mô của khu vực doanh nghiệp trên các phương diện như tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và doanh thu thì tăng trưởng trong năm 2014 sẽ tích cực hơn so với 2013 nhờ cải thiện về tổng cầu cũng như các điều kiện thuận lợi của môi trường kinh tế thế giới. Tuy nhiên, với mục tiêu tổng quát trong năm 2014 là ổn định kinh tế vĩ mô, các chính sách tiền tệ - tài khóa sẽ được Chính phủ điều hành theo hướng thận trọng. Ngoài ra, doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nợ xấu vẫn ở mức cao nên mục tiêu tăng trưởng 5,8% sẽ cần cố gắng, nỗ lực lớn.

Trong bối cảnh dự báo nền kinh tế như trên, dựa vào nguồn lực sẵn có của Công ty, Ban điều hành đưa ra các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 như sau:



CÁC GIẢI PHÁP

THỰC HIỆN NHẪM ĐẠT ĐƯỢC KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

GIẢI PHÁP 1: QUẢN LÝ CHI PHÍ

Thực hiện các giải pháp nhằm giảm giá thành thông qua chương trình quản lý chi phí, bao gồm:

Kiểm soát chặt chẽ việc cấp phát, sử dụng NVL, vật tư, phụ tùng, v.v... thông qua việc ban hành, áp dụng, duy trì và cải tiến các định mức cho phù hợp, theo từng giai đoạn.

Tính toán, thiết kế kết cấu thùng hiệu quả mang tính cạnh tranh. Sát nhập phòng Thiết kế về phòng R&D. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác thiết kế sản phẩm, đồng thời tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn về thiết kế sản phẩm bao bì giấy cho CBCNV.

Đảm bảo sản xuất trên cơ sở thiết bị đảm bảo & ổn định. Bộ phận Kỹ thuật phải phát huy vai trò quản lý máy móc trên cơ sở xây dựng kế hoạch bảo trì thường xuyên. Định kỳ hàng ngày tổ chức kiểm tra, hướng dẫn phân xưởng thực hiện bảo trì máy móc thiết bị thông qua các công cụ AM, PM. Tất cả bộ phận, phân xưởng tác nghiệp phải tuân thủ quy trình, quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn công việc,...

Nâng cao năng suất lao động thông qua việc cấu trúc, định biên tinh gọn, bố trí nhân sự phù hợp, các hoạt động được phân tích tác nghiệp chi tiết và cải tiến liên tục.

Nâng cao trách nhiệm từng bộ phận, phân xưởng, cá nhân trong việc quản lý chi phí bằng việc đăng ký các Dự án cải tiến tiết giảm chi phí cụ thể. Xây dựng cơ chế thưởng hiệu quả căn cứ vào giá trị tiết kiệm và gia tăng giá trị lợi ích cụ thể được lượng hóa bằng tiền.

Thu mua nguyên vật liệu, dịch vụ với giá cạnh tranh trên cơ sở tồn kho tối thiểu thông qua việc hoạch định nhà cung ứng chiến lược, phân bổ sản lượng, đàm phán hợp đồng và điều tiết kế hoạch giao hàng hợp lý, hiệu quả.

GIẢI PHÁP 2: SỰ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG

Tập trung triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo sự hài lòng khách hàng, bao gồm:

Xác định chính xác rõ ràng, cụ thể yêu cầu khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ ngay từ đầu hợp tác.

Đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng theo nhu cầu khách hàng.

Cam kết giao hàng đúng tiến độ, đầy đủ số lượng thông qua việc hoạch định sản lượng chính xác, phù hợp với năng suất của từng khâu máy. Thống nhất và tiêu chuẩn hóa các nguyên tắc điều độ và nâng cao trách nhiệm các bộ phận, phân xưởng, các cá nhân trong việc đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng kịp thời, đầy đủ, chính xác số lượng cung cấp cho khách hàng.

Tập trung phân tích tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự không phù hợp trong hoạt động và đưa ra các giải pháp cải tiến kịp thời.

Chú trọng công tác đo lường sự hài lòng khách hàng định kỳ thông qua việc tổ chức hệ thống thu thập ý kiến, đánh giá của khách hàng về giá cả, chất lượng sản phẩm, giao hàng và phục vụ khách hàng. Từ đó đưa ra các giải pháp thích hợp để giải quyết thỏa đáng các yêu cầu và mong đợi của từng khách hàng.

GIẢI PHÁP 3: NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu đối thủ cạnh tranh. Từ đó đề xuất các giải pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật phù hợp. Triệt để tổ chức thực hiện nhằm đáp ứng một cách kịp thời, linh hoạt để không ngừng mở rộng thị phần và gia tăng doanh số.

GIẢI PHÁP 4: CÔNG TÁC BÁN HÀNG

Chú trọng công tác triển khai xây dựng và thực hiện đồng bộ các giải pháp bán hàng thông qua các chính sách như: giảm giá bán, nhận hàng, chất lượng, giao hàng, phục vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, v.v... nhằm góp phần tăng thị phần, doanh số.

GIẢI PHÁP 5: HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ

Tăng cường rà soát và thực hiện chương trình nâng cao hiệu quả quản trị của từng bộ phận, phân xưởng thông qua phân công và kiểm soát công việc, cụ thể:

Phân công công việc: phân công dài hạn thông qua soát xét và hoàn chỉnh bộ hồ sơ phân công công việc; phân công trung hạn thông qua mục tiêu, chương trình hành động hoặc các dự án cụ thể; phân công ngắn hạn thông qua phiếu giao việc.

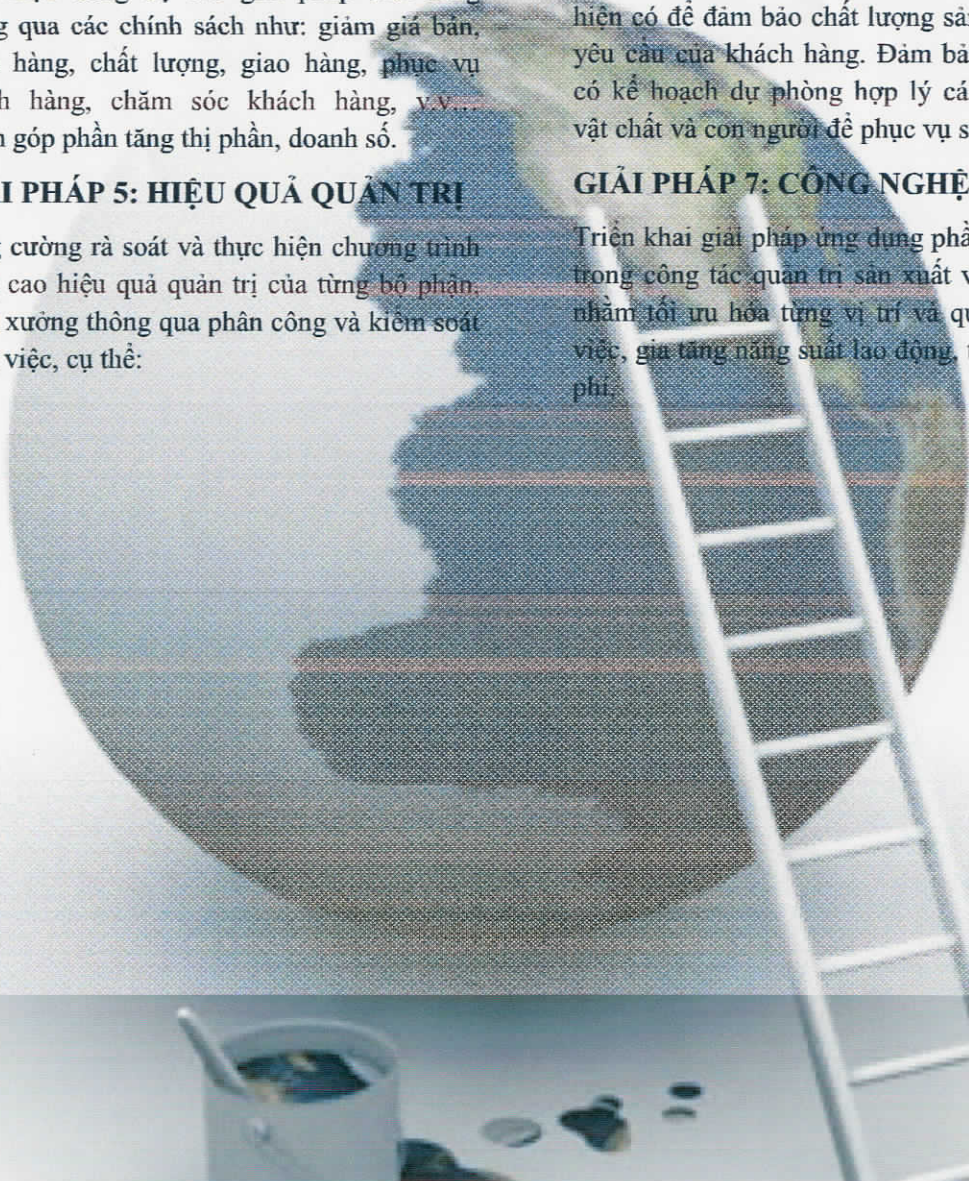
Kiểm soát công việc: kiểm soát tính tuân thủ bằng việc thực hiện đúng các nội dung trong quy định, quy trình, hướng dẫn công việc, dự án, phiếu phân công việc và kiểm soát từng chỉ tiêu hiệu quả.

GIẢI PHÁP 6: NGUỒN LỰC

Không ngừng đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ và có kế hoạch dự phòng hợp lý các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.

GIẢI PHÁP 7: CÔNG NGHỆ

Triển khai giải pháp ứng dụng phần mềm CPS trong công tác quản trị sản xuất và công việc nhằm tối ưu hóa từng vị trí và quy trình làm việc, gia tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2013, mục tiêu tổng quát của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành đã thảo luận và đề ra những giải pháp nhằm phù hợp với điều kiện chung của thị trường đồng thời vẫn đảm bảo duy trì sự tăng trưởng ổn định mang lại hiệu quả cho Công ty và cổ đông.

Với định hướng cung cấp sản phẩm chủ yếu là bao bì Carton và bao bì Offset cho khách hàng ở phân khúc chất lượng khá và cao. Tầm nhìn đến năm 2025 là trở thành nhà sản xuất bao bì Carton lớn nhất Việt Nam. Theo đó, Công ty đã có sự chuẩn bị và có những bước đi phù hợp như đầu tư mới nhà máy sản xuất bao bì carton 30.000 tấn/năm tại khu công nghiệp Mỹ Phước, Bình Dương nhằm đáp ứng tiềm năng phát triển của thị trường bao bì giấy ngày càng tăng do tính thân thiện với môi trường và có xu hướng thay thế các loại bao bì khác.

Tuy nhiên, trong năm 2013, với sự cạnh tranh gay gắt của thị trường, để duy trì sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm cho công nhân, các nhà sản xuất đã bao bì áp dụng chiến lược giá thấp. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận /doanh thu của ngành bao bì không cao và chiến lược giá thấp của đối thủ đã tạo ra áp lực cạnh tranh giá bán gay gắt. Vì vậy, kết thúc năm 2013, Công ty đạt mục tiêu về doanh thu nhưng lợi nhuận không đạt theo kỳ vọng. Đây sẽ vẫn là thách thức cho các doanh nghiệp ngành bao bì trong năm 2014 và các năm tiếp theo

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	1.003.396	851.763
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.003.373	851.749
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	148.980	122.791
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	69.618	64.333
Lợi nhuận khác	446	892
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.064	65.225
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67.336	59.997
Lãi cơ bản trên cổ phần (đồng/CP)	6,927	6,745

TÀI SẢN

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Tài sản ngắn hạn	399.174	294.404
Tài sản dài hạn	211.698	255.259
Tổng tài sản	610.872	549.663

NGUỒN VỐN

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Nợ phải trả	371.952	358.170
Nợ ngắn hạn	311.477	284.362
Nợ dài hạn	60.475	73.808
Vốn chủ sở hữu	238.921	191.492
Tổng nguồn vốn	106.978	89.190

VỀ SẢN PHẨM, THƯƠNG HIỆU

SOVI đã định vị thị trường ở phân khúc khách hàng là các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty FDI có thương hiệu nổi tiếng như CocaCola, Pepsi, Unilever, Syngenta, Bayer, Friesland Campina, v.v... và các công ty trong nước có thương hiệu mạnh như Masan Group Kinh Do, Trung Nguyên, v.v... Đặc điểm của phân khúc thị trường này là nhu cầu sử dụng bao bì với số lượng lớn, sản phẩm có chất lượng cao đã mang lại doanh thu chủ yếu của Công ty.

SOVI được thị trường đánh giá là một trong ba nhà cung ứng bao bì giấy lớn nhất thị trường hiện nay. Với ưu thế là kiến thức và kinh nghiệm hơn 40 năm sản xuất đã kết tinh trong giá trị cốt lõi của sản phẩm. Ngoài ra, với tinh thần phục vụ khách hàng tốt nhất thấm sâu vào từng CB-CNV đã mang đến cho khách hàng sự hài lòng và tin dùng sản phẩm.

VỀ CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ

Với đánh giá con người là nguồn lực cốt lõi trong sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, Công ty đã đưa ra những chiến lược nhân sự hợp lý, mang tính đột phá, cụ thể như sau:

Ổn định và duy trì nguồn nhân lực hiện có trên cơ sở thực hiện các biện pháp:

Hoàn thiện các quy chế, chính sách hiện đang áp dụng tại Công ty;

Đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong chi trả lương cho người lao động, tạo tính cạnh tranh trong việc thu hút nguồn lực bên ngoài và giữ chân nguồn lực bên trong;

Cải thiện môi trường làm việc;

Sắp xếp và ổn định lại nhân sự, đảm bảo bố trí nhân sự đúng người, đúng việc;

Cải tiến phương thức làm việc, giảm thiểu các công đoạn không làm giá trị tăng thêm, đảm bảo tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc;

Tiến hành tin học hóa các quy trình làm việc, áp dụng các phần mềm hiện đại để nâng cao hiệu quả công việc.

Phát triển Nguồn nhân lực:

Thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý để tạo điều kiện gắn bó lâu dài của nhân viên với tập thể, với Công ty;

Tạo môi trường làm việc năng động, thân thiện với một nét văn hoá riêng

Xây dựng và thực hiện các các chính sách đề bạt, thăng tiến cho nhân viên, tạo động lực phấn đấu và phát huy hết năng lực của mỗi cá nhân;

Tiến hành phân tích tình trạng nguồn nhân lực thường xuyên để đánh giá và cơ cấu lại sơ đồ tổ chức, hoạt động trong từng giai đoạn nhằm đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động hiệu quả nhất;

Luôn nâng cao cơ cấu tổ chức và hoạt động, tạo tính năng động trong sự phát triển của Công ty nhằm tạo sự hứng khởi trong công việc của từng nhân viên, tạo tính cạnh tranh lành mạnh trong từng vị trí công việc để mọi nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân;

Tổ chức các chuyến tham quan du lịch, các phong trào thể dục thể thao định kỳ tạo điều kiện cho tất cả nhân viên có cơ hội giao lưu học hỏi, cũng như vui chơi giải trí để tái tạo lại sức lao động.

Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài từ các nơi về làm việc tại SOVI:

Tạo môi trường làm việc năng động, các chính sách đãi ngộ phúc lợi, tiền lương hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài về làm việc tại SOVI;

Phối hợp cùng các công ty tuyển dụng, các trường đại học, trung tâm đào tạo để tìm kiếm các ứng viên có năng lực. Đặt biệt có các chương trình hỗ trợ và tìm kiếm các ứng viên là những sinh viên có năng lực và tâm huyết ngay từ khi còn trên ghế nhà trường;

Lựa chọn kỹ nguồn lao động đầu vào để đảm bảo tuyển dụng được những nhân viên thật sự có khả năng, tâm huyết với công việc, nhiệt tình và sáng tạo, có hướng gắn bó lâu dài.

Chính sách đào tạo:

Tiến hành đánh giá năng lực của từng nhân viên theo định kỳ về trình độ chuyên môn, nhằm xem xét khả năng của từng người để lên kế hoạch đào tạo hoặc tái đào tạo với mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc của nhân viên;

Quy hoạch các nguồn lãnh đạo kế cận trong tương lai để có chiến lược đào tạo hợp lý để bổ sung vào hàng ngũ lãnh đạo của SOVI trong tương lai;

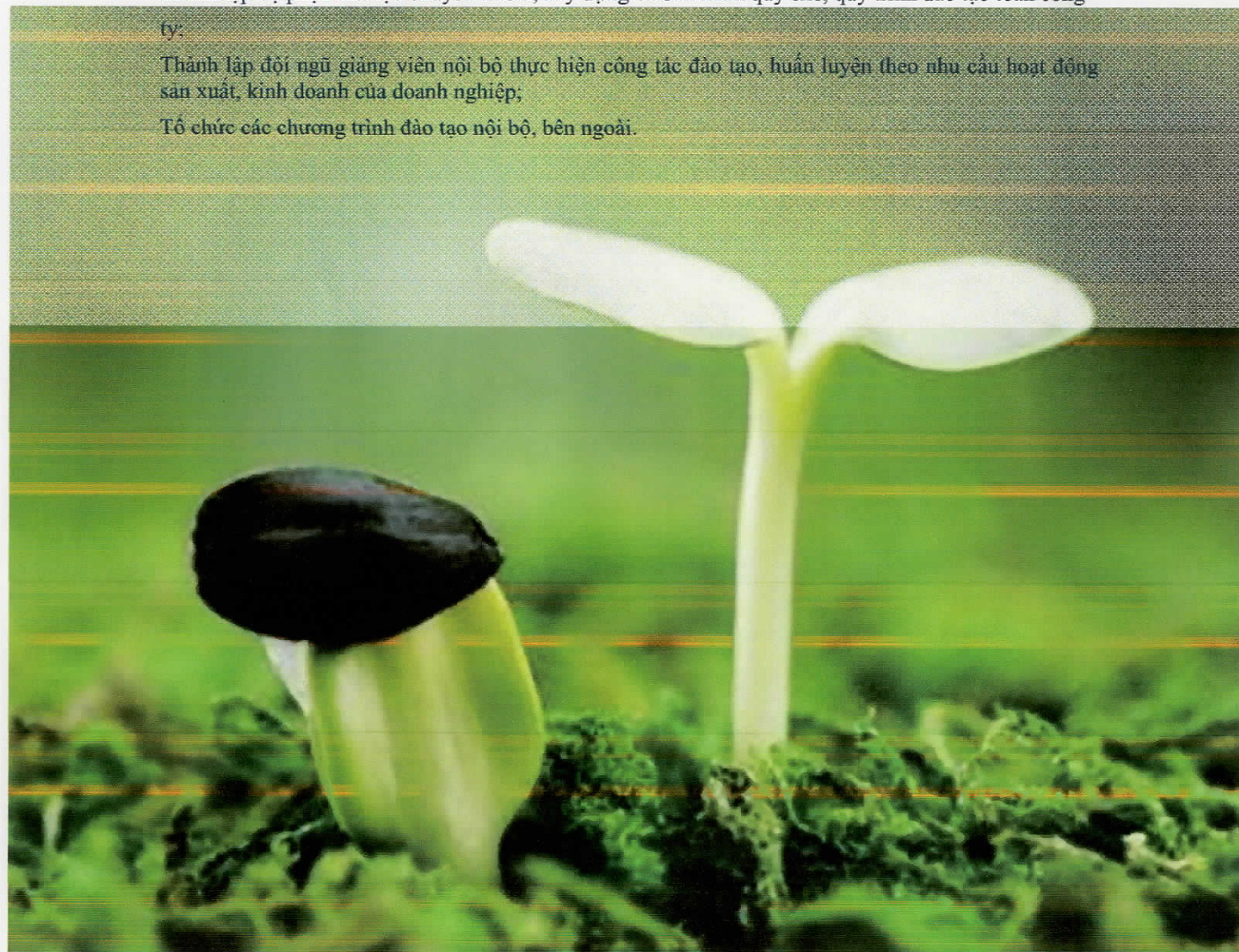
Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm phổ biến các kiến thức mới, các kiến thức về quản trị doanh nghiệp, cũng như phương thức làm việc hiện đại cho nhân viên;

Có định hướng trong sự phát triển của công ty trong tương lai để tiến hành đào tạo các kiến thức đón đầu;

Thành lập bộ phận đào tạo chuyên trách, xây dựng và ban hành quy chế, quy trình đào tạo toàn công ty;

Thành lập đội ngũ giảng viên nội bộ thực hiện công tác đào tạo, huấn luyện theo nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

Tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ, bên ngoài.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong bối cảnh kinh tế thế giới trong những năm qua vẫn còn nhiều bất ổn và chưa có dấu hiệu tăng trưởng ổn định, tình hình sản xuất trong nước còn gặp khó khăn, lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của CTCP Bao Bì Biên Hòa nói riêng. Trước tình hình khó khăn như trên, Ban Giám đốc đã thể hiện được vai trò lãnh đạo sáng suốt và điều hành linh hoạt khi duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định cả chỉ tiêu doanh thu (tăng 17% so với doanh thu năm 2012) và lợi nhuận sau thuế (đạt 112% so với thực hiện cùng kỳ năm trước). Ngoài những nỗ lực không ngừng để hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Giám đốc còn tập trung triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm như đổi mới công nghệ, chuẩn hóa quy trình, nâng cao chất lượng quản trị nhân sự, v.v... Đây được xem là bước đi mang tính chất quyết định tạo tiền đề phát triển ổn định và mở rộng trong tương lai. Bên cạnh đó, với kinh nghiệm lãnh đạo và điều hành lâu năm, Ban Giám đốc đã có những nhận định, đánh giá phù hợp, kịp thời phản ứng trước những thay đổi bất ngờ của thị trường và luôn tạo được không khí thi đua, thúc đẩy động lực làm việc cho tập thể CBCNV hoàn thành nhiệm vụ.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2013 -2017) đã triển khai kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2013 – 2017 ngay từ đầu nhiệm kỳ trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 29/03/2013, kế hoạch cụ thể như sau:

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

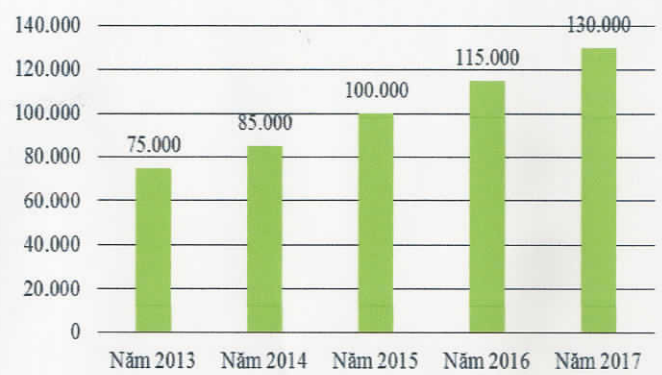
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Doanh thu	950.000	1.050.000	1.200.000	1.350.000	1.500.000
Lợi nhuận trước thuế	75.000	85.000	100.000	115.000	130.000
Đầu tư	10.000	20.000	20.000	20.000	20.000
Thu nhập BQ	8,00	8,50	9,00	10,00	10,00

DOANH THU
(triệu đồng)



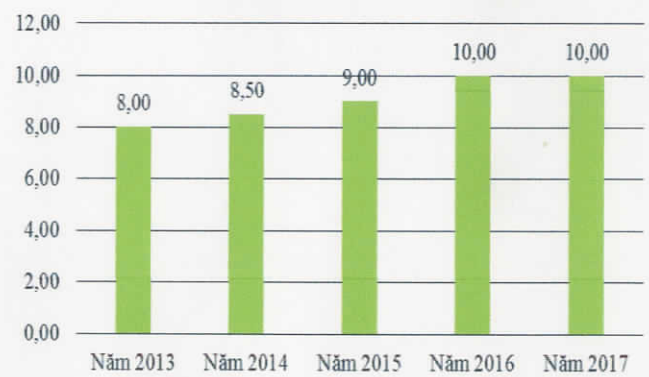
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(triệu đồng)



ĐẦU TƯ
(triệu đồng)



THU NHẬP BÌNH QUÂN
(triệu đồng)





QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị bao gồm 7 thành viên. Trong đó, có 5 thành viên điều hành và 2 thành viên không tham gia điều hành:

THÀNH VIÊN ĐIỀU HÀNH:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị:
LÊ QUỐC TUYÊN
- Thành viên Hội đồng quản trị:
PHẠM VĂN ĐIỀU
TRẦN TRANG BÌNH
NGUYỄN THANH NGÂN
NGUYỄN HOÀNG

THÀNH VIÊN KHÔNG ĐIỀU HÀNH:

- Thành viên Hội đồng quản trị:
HOÀNG NGỌC LỰU
ĐẶNG NGỌC DIỆP

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 30 biên bản, nghị quyết, quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh, đầu tư, v.v... Các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với điều lệ công ty.

Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2013:

- Chỉ đạo xây dựng, điều chỉnh, phân bổ mục tiêu hàng quý của năm 2013. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình SXKD – tài chính theo kế hoạch đã phê duyệt.
- Bảo đảm nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty từng quý và cả năm 2013.
- Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013; phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2014 và các tờ trình đề trình Đại hội đồng cổ đông xin ý kiến
- Chỉ đạo xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các chính sách, phương án kinh doanh, hạng mục đầu tư phát triển, bảo đảm nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung cho công ty.
- Chỉ đạo Ban điều hành duy trì và phát triển các nội quy và văn hóa công ty, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tích cực tham gia các hoạt động xã hội - từ thiện, phát triển thương hiệu Sovi, tạo lập niềm tin vững chắc giữa công ty với người lao động, cổ đông, khách hàng và nhà cung cấp.
- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và đúng với thẩm quyền qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty. Nội dung đều tập trung vào việc triển khai kế hoạch 2013 được ĐHĐCĐ thông qua và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc.

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	BIÊN BẢN SỐ	NGÀY RA	NỘI DUNG
1	01/BB-HĐQT/2013	03/01/2013	Ủy quyền vốn vay tại NH Ngoại Thương
2	01bis/BB-HĐQT/2013	21/01/2013	Họp HĐQT thường niên lần 4 năm 2012 : <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2012 - Thông qua báo cáo tài chính quý 4.2012 - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2013 - Thông qua thời gian, địa điểm và triển khai công tác chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên năm 2013 - Thống nhất các nội dung trình xin ý kiến ĐHCĐ thường niên năm 2013 để thông qua. (Thay đổi điều lệ; Quy chế quản trị công ty, các tờ trình khác) - Thống nhất việc đề cử nhân sự vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013-2017
3	02/BB-HĐQT/2013	20/02/2013	Thông nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu chào hàng cạnh, hồ sơ mời chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu chào hàng <i>Gói thầu nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục : Nhà bảo vệ, nhà nòng, nhà kho</i>
4	03/BB-HĐQT/2013	29/02/2013	Thông nhất phê duyệt giá kế hoạch đấu thầu <i>gói thầu nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục cơ sở hạ tầng : Nhà bảo vệ, nhà nòng, nhà kho</i>
5	04/BB-HĐQT/2013	12/3/2013	Tổ chức ĐHCĐ thường niên tài khóa 2012
6	05/BB-HĐQT/2013	18/03/2013	Thông nhất phê duyệt kết quả đấu thầu <i>gói thầu nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục cơ sở hạ tầng : Nhà bảo vệ, nhà kho, nhà nòng</i>
7	06/BB-HĐQT/2013	01/04/2013	Họp HĐQT bất thường năm 2013 về : <ul style="list-style-type: none"> - Bầu Chủ tịch, phó CT HĐQT và phân công nhiệm vụ từng TV. HĐQT - Bầu ban giám đốc - Định hướng chiến lược cho nhiệm kỳ 2013-2017 - Quy chế quản trị Cty
8	07/BB-HĐQT/2013	05/04/2013	Thông nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu <i>gói thầu Cung cấp Máy gấp dán tự động</i>
9	08/BB-HĐQT/2013	09/04/2013	Thông nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động

STT	BIÊN BẢN SỐ	NGÀY RA	NỘI DUNG
10	09/BB-HĐQT/2013	16/04/2013	Thông nhất phê duyệt kế hoạch, hồ sơ chào hàng và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ chào hàng cạnh tranh
11	10/BB-HĐQT/2013	17/04/2013	Thông nhất phê duyệt giá kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động
12	11/BB-HĐQT/2013	24/04/2013	Họp thường niên lần 1 năm 2013 : Báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 và kế hoạch SXKD quý 2.2013
13	12/BB-HĐQT/2013	06/05/2013	Thông nhất phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ thầu cho gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động
14	13/BB-HĐQT/2013	20/05/2013	Thông nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cung cấp máy gấp dán tự động
15	14/BB-HĐQT/2013	20/05/2013	Thông nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cung cấp xe nâng hàng 3,5 tấn & cang kẹp giấy cuộn
16	15/BB-HĐQT/2013	20/06/2013	Thông nhất phê duyệt mua máy cắt tấm duplex
17	16/BB-HĐQT/2013	20/06/2013	Thông nhất phê duyệt mua máy hiện kẽm và máy sấy bản kẽm
18	17/BB-HĐQT/2013	28/06/2013	Họp HĐQT về tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013
19	18a/BB-HĐQT/2013	05/07/2013	Thông nhất đăng báo chào hàng cạnh tranh máy cắt tấm Duplex đã qua sử dụng lần 2
20	18b/BB-HĐQT/2013	06/07/2013	Thông nhất phê duyệt nhà thầu cung cấp máy hiện (rửa) bản kẽm
21	19/BB-HĐQT/2013	09/07/2013	Thông nhất phê duyệt mua máy tái chế dung môi
22	20/BB-HĐQT/2013	22/07/2013	Thông nhất mở hồ sơ chào hàng cạnh tranh máy cắt tấm Duplex đã qua sử dụng của đơn vị Công ty cổ phần XNK sản xuất gia công và bao bì (Packsimex)
23	21/BB-HĐQT/2013	24/07/2013	Thông nhất phê duyệt nhà thầu cung cấp máy cắt tấm Duplex đã qua sử dụng
24	22/BB-HĐQT/2013	02/08/2013	Thông nhất phê duyệt nhà thầu cung cấp máy tái chế dung môi
25	23/BB-HĐQT/2013	12/08/2013	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu
26	24/BB-HĐQT/2013	13/08/2013	Họp thường niên lần 2 năm 2013 : Báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 và kế hoạch SXKD quý 3.2013
27	25/BB-HĐQT/2013	24/10/2013	Họp thường niên lần 3 năm 2013 : Báo cáo kết quả kinh doanh quý 3 và kế hoạch SXKD quý 4.2013
28	26/BB-HĐQT/2013	09/11/2013	Thông nhất phê duyệt đầu tư máy bế thùng Carton
29	27/BB-HĐQT/2013	28/11/2013	Thông nhất phê duyệt nhà thầu cung cấp máy bế thùng Carton
30	27/BB-HĐQT/2013	23/12/2013	Thông nhất đề nghị ngân hàng Eximbank CN Đồng Nai cấp hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng.

QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	BIÊN BẢN SỐ	NGÀY RA	NỘI DUNG
1	01/NQ-HĐQT/2013	21/01/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2012 - Thông qua báo cáo tài chính quý 4.2012 - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2013 - Thông qua thời gian, địa điểm và triển khai công tác chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên năm 2013 - Thống nhất các nội dung trình xin ý kiến ĐHCĐ thường niên năm 2013 để thông qua. (Thay đổi điều lệ; Quy chế quản trị công ty, các tờ trình khác) - Thống nhất việc đề cử nhân sự vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013-2017
2	02/QĐ-HĐQT/2013	29/02/2013	Duyệt giá kế hoạch đấu thầu gói thầu nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục cơ sở hạ tầng : Nhà bảo vệ, nhà nòng, nhà kho
3	03/QĐ-HĐQT/2013	19/03/2013	Duyệt kết quả đấu thầu gói thầu nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục cơ sở hạ tầng : Nhà bảo vệ, nhà kho, nhà nòng
4	03/NQ-HĐQT/2013	04/01/2013	Họp HĐQT bất thường năm 2013 về : <ul style="list-style-type: none"> - Bầu Chủ tịch, phó CT HĐQT và phân công nhiệm vụ từng TV. HĐQT - Bầu ban giám đốc - Định hướng chiến lược cho nhiệm kỳ 2013-2017 - Quy chế quản trị Cty
5	04/QĐ-HĐQT/2013	6/4/2013	Duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu Cung cấp Máy gập dán tự động
6	05/QĐ-HĐQT/2013	9/4/2013	Duyệt hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu cung cấp máy gập dán tự động
7	06/QĐ-HĐQT/2013	17/04/2013	Duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời chào hàng & tiêu chuẩn đánh giá chào hàng cạnh tranh gói thầu cung cấp xe nâng hàng 3,5 tấn & cang kẹp giấy kẹp

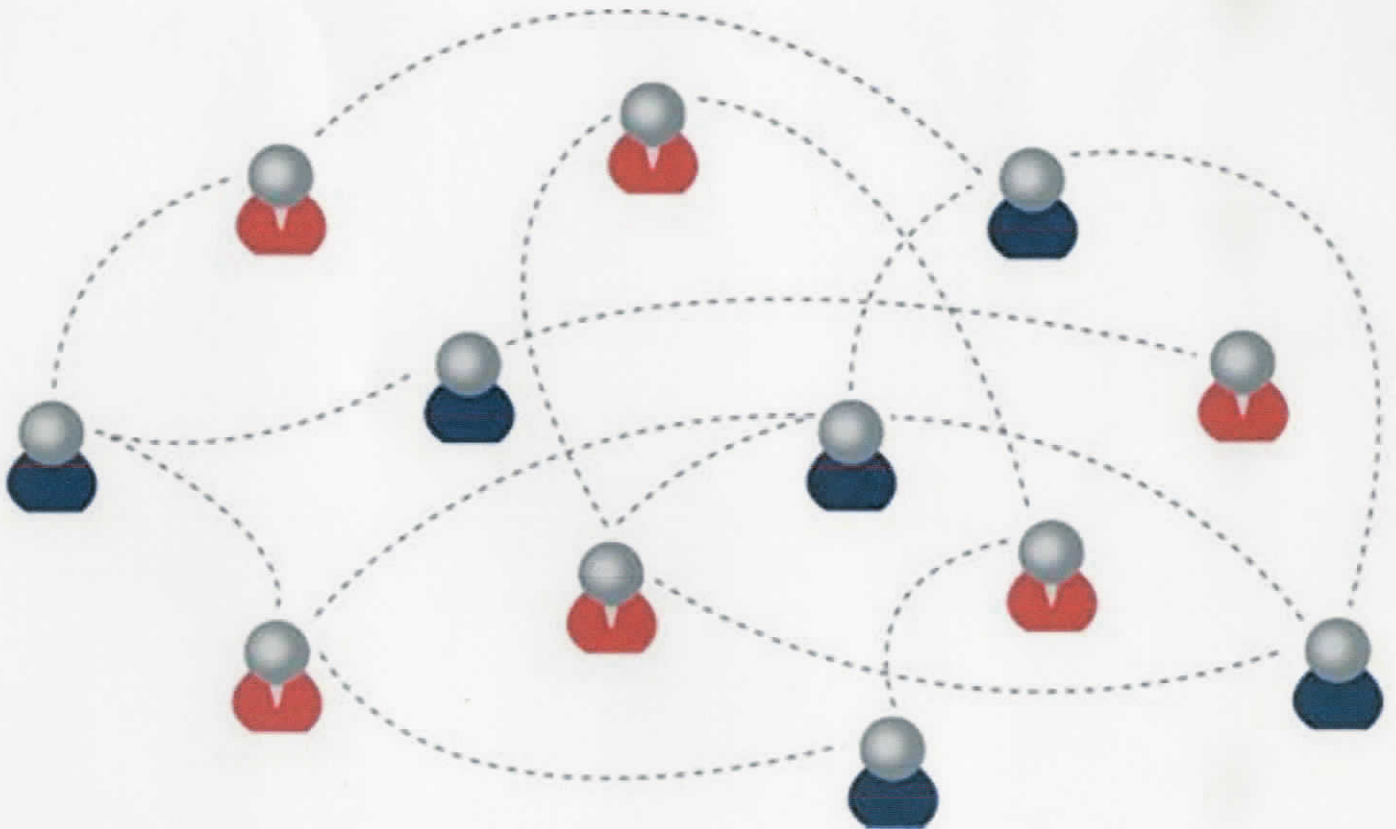
STT	BIÊN BẢN SỐ	NGÀY RA	NỘI DUNG
8	07/QĐ-HĐQT/2013	18/04/2013	Duyệt giá kế hoạch đấu thầu gói thầu Cung cấp Máy gấp dán tự động
9	04/NQ-HĐQT/2013	24/04/2013	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 và kế hoạch SXKD quý 2.2013
10	08/QĐ-HĐQT/2013	7/5/2013	Phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ thầu cho gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động
11	09/QĐ-HĐQT/2013	21/05/2013	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cung cấp máy gấp dán tự động
12	10/QĐ-HĐQT/2013	21/05/2013	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cung cấp xe nâng hàng 3,5 tấn & cang kẹp giấy cuộn
13	11/QĐ-HĐQT/2013	20/06/2013	Phê duyệt mua máy cắt tấm duplex
14	12/QĐ-HĐQT/2013	20/06/2013	Phê duyệt mua máy hiện kẽm và máy sấy bản kẽm
15	05/NQ-HĐQT/2013	28/06/2013	Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013
16	13a/QĐ-HĐQT/2013	5/7/2013	Đăng báo chào hàng cạnh tranh máy cắt tấm Duplex đã qua sử dụng lần 2
17	13b/QĐ-HĐQT/2013	6/7/2013	Phê duyệt nhà thầu cung cấp máy hiện (rửa) bản kẽm
18	14/QĐ-HĐQT/2013	9/7/2013	Phê duyệt mua máy tái chế dung môi
19	15/QĐ-HĐQT/2013	22/07/2013	Mở hồ sơ chào hàng cạnh tranh máy cắt tấm Duplex đã qua sử dụng của đơn vị Công ty cổ phần XNK sản xuất gia công và bao bì (Packsimex)
20	16/QĐ-HĐQT/2013	24/07/2013	Phê duyệt nhà thầu cung cấp máy cắt tấm Duplex đã qua sử dụng
21	17/QĐ-HĐQT/2013	2/8/2013	Phê duyệt nhà thầu cung cấp máy tái chế dung môi
22	18/QĐ-HĐQT/2013	12/8/2013	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu
23	06/NQ-HĐQT/2013	13/08/2013	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 và kế hoạch SXKD quý 3.2013
24	07/NQ-HĐQT/2013	24/10/2013	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh quý 3 và kế hoạch SXKD quý 4.2013
25	19/QĐ-HĐQT/2013	9/11/2013	Phê duyệt đầu tư máy bế thùng Carton
26	19/QĐ-HĐQT/2013	28/11/2013	Phê duyệt nhà thầu cung cấp máy bế thùng Carton

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Ông **LÊ QUỐC TUYÊN** – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.
- Ông **PHẠM VĂN ĐIỀU** – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty.
- Ông **TRẦN TRANG BÌNH** – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty.
- Bà **NGUYỄN THANH NGÂN** - Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty.
- Ông **NGUYỄN HOÀNG** - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng công ty.
- Ông **HOÀNG NGỌC LỰU** - Thành viên HĐQT.
- Ông **ĐẶNG NGỌC DIỆP** - Thành viên HĐQT.



BAN KIỂM SOÁT



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Trưởng Ban kiểm soát:
TRẦN HỮU ĐỨC
- Thành viên Ban kiểm soát:
NGUYỄN VĂN TOAN
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thông qua các cuộc họp định kỳ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, Ban kiểm soát tập trung kiểm soát các hoạt động của Công ty nhằm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như:

- Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết, quyết định, quy định, quy chế của HĐQT;
- Kiểm soát và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;
- Giám sát các hoạt động quản lý sử dụng vốn gồm hợp đồng kinh tế, đầu tư, mua bán tài sản cố định và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;
- Kiểm soát dòng tiền, tình hình công nợ, chi phí hoạt động;
- Kiểm kê số lượng hàng hóa định kỳ;
- Kiểm soát tất cả các khoản nhập, xuất, tồn kho hàng hóa vật tư và thành phẩm, doanh thu, giá vốn;
- Kiểm soát định mức tiêu hao, giá thành sản phẩm;
- Kiểm soát tình hình lao động, thực hiện hợp đồng lao động, thực hiện chế độ bảo hiểm, trích và chi trả lương, xây dựng và thực hiện quy chế trả lương, tăng giảm lao động;
- Tình hình tuyển dụng và đào tạo;
- Kiểm soát tình hình sử dụng đất, thống kê các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Nhằm khuyến khích động viên Ban điều hành gia tăng hiệu quả làm việc và đóng góp cho sự phát triển của Công ty, Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa có chính sách thưởng định kỳ cho các cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung của Công ty hàng năm. Cụ thể như sau: SOVI tiếp tục thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, công ty vẫn tiếp tục áp dụng chính sách lương thông qua hồ sơ giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc với các tiêu chí KPI hàng tháng, từ đó tạo động lực, khuyến khích người lao động cải tiến và nâng cao hiệu suất làm việc.

STT	HỌ VÀ TÊN	LƯƠNG CÔNG VIỆC	LƯƠNG HIỆU QUẢ	THƯỞNG	CHO CÔNG TY VAY	VAY CỦA CÔNG TY
1	Hội đồng quản trị					
1.1	Lê Quốc Tuyên	310.206.480	324.280.169	122.025.450	-	-
1.2	Phạm Văn Điều	244.286.273	253.303.322	110.622.905	-	-
1.3	Trần Trang Bình	235.267.312	254.650.079	94.519.088	-	-
1.4	Nguyễn Thanh Ngân	243.135.059	255.720.834	94.519.088	-	-
1.5	Nguyễn Hoàng	159.486.039	172.405.384	90.315.270	-	-
1.6	Hoàng Ngọc Lựu	163.090.955	174.832.273	94.519.088	-	-
1.7	Đặng Ngọc Diệp	775.485.706	169.686.408	94.519.088	-	-
2	Ban kiểm soát					
2.1	Trần Hữu Đức	-	-	98.697.992	-	-
2.2	Nguyễn Văn Toàn	-	-	44.193.571	-	-
2.3	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	-	-	20.500.000	-	-
3	Ban điều hành					
3.1	Lê Quốc Tuyên	Đã kê khai mục 1.1			-	-
3.2	Phạm Văn Điều	Đã kê khai mục 1.2			-	-
3.3	Trần Trang Bình	Đã kê khai mục 1.3			-	-
3.4	Nguyễn Thanh Ngân	Đã kê khai mục 1.4			-	-
3.5	Nguyễn Hoàng	Đã kê khai mục 1.5			-	-

CÁC GIAO DỊCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán/Cho/Tặng/Thừa kế, ...)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Tổng công ty CNTP Đồng Nai	Chủ sở hữu	4.778.051	Công ty phát hành cổ phiếu thường	955.610	5.733.661	15/7/2013

Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch HĐQT kiêm GD	57581	Công ty phát hành cổ phiếu thường	11.516	69.097	15/07/2013
Phạm văn Điều	PCT.HĐQT kiêm PGĐ	88685	Công ty phát hành cổ phiếu thường	17.737	106.422	15/07/2013
Trần Trang Bình	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	82622	Công ty phát hành cổ phiếu thường	16.524	99.146	15/07/2013
Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	78840	Công ty phát hành cổ phiếu thường	15.768	94.608	15/07/2013
Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm KTT	4743	Công ty phát hành cổ phiếu thường	948	5.691	15/07/2013
Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên HĐQT	58675	Công ty phát hành cổ phiếu thường	11.735	70.410	15/07/2013
Đặng Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	8136	Công ty phát hành cổ phiếu thường	1.627	9.763	15/07/2013
Trần Hữu Đức	Trưởng BKS	100	Công ty phát hành cổ phiếu thường	20	120	15/07/2013
Nguyễn Văn Toàn	TV. BKS	59189	Bán cổ phiếu và công ty phát hành cổ phiếu thường	Bán : 11.500	57.226	Quý 1/2013
				Thường CP : 9.537		15/07/2013
Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	TV. BKS	35649	Mua cổ phiếu và công ty phát hành cổ phiếu thường	Mua : 490	43.366	Quý 1/2013
				Thường CP : 7.227		15/07/2013

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM GIỮ CỔ PHIẾU

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			(25/02/2013)		(31/12/2013)		
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Toàn	Ban kiểm soát	59.189	0,66%	57.226	0,53	Bán cổ phiếu và Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Ban kiểm soát	35.649	0,40%	43.366	0,40%	Mua cổ phiếu và Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
3	Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch HĐQT	57.581	0,65%	69.097	0,65%	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
4	Phạm Văn Điều	P. Chủ tịch HĐQT	88.685	1,00%	106.422	1,00%	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
5	Trần Trang Bình	TV. HĐQT	82.622	0,93%	99.146	0,93%	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
6	Nguyễn Thanh Ngân	TV. HĐQT	78.840	0,88%	94.608	0,88%	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
7	Hoàng Ngọc Lựu	TV. HĐQT	58.675	0,66%	70.410	0,66%	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
8	Đặng Ngọc Diệp	TV. HĐQT	8.136	0,09%	9.763	0,09%	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
9	Nguyễn Hoàng	TV. HĐQT	4.743	0,05%	5.691	0,05%	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng
10	Trần Hữu Đức	Trưởng BKS	100	0,00%	120	0,00%	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

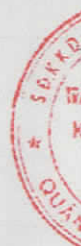
2013



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BIÊN HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 35
Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013	36

0200558
CÔNG T
HÀNH H
M T O
B.T.
PHỔ C

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 21 tháng 08 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.978.420.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trang Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Hoàng Xuân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/03/2013)
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/03/2013)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc
Ông Phạm Văn Điều	Phó Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc

GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYÊN



Số: 14.118/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2014 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bi Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.173.999.838	294.403.912.864
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	73.767.750.198	43.694.913.350
1. Tiền	111		58.767.750.198	12.694.913.350
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	31.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	194.781.285.504	162.796.735.476
1. Phải thu khách hàng	131		193.486.877.813	156.448.185.807
2. Trả trước cho người bán	132		623.188.820	5.423.321.210
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		773.791.495	1.161.423.829
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(102.572.624)	(236.195.370)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	130.147.571.260	84.884.988.529
1. Hàng tồn kho	141		130.147.571.260	84.884.988.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		477.392.876	3.027.275.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.773.500	238.788.699
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.714.376	2.267.610.810
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		420.905.000	520.876.000

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.698.283.520	255.258.581.041
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		160.606.814.310	218.611.741.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	153.516.587.571	206.388.022.709
+ Nguyên giá	222		363.811.735.219	370.792.918.916
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.295.147.648)	(164.404.896.207)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.5)	6.482.021.739	11.667.639.130
+ Nguyên giá	225		12.964.043.478	12.964.043.478
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.482.021.739)	(1.296.404.348)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228		1.471.867.089	1.471.867.089
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.471.867.089)	(1.471.867.089)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		608.205.000	556.080.000
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.6)	4.000.000.000	4.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		47.091.469.210	32.646.839.202
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	40.147.492.689	31.550.833.202
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.9)	5.845.470.521	
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.8)	1.098.506.000	1.096.006.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		610.872.283.358	549.662.493.905

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		371.951.746.653	358.170.003.851
I. Nợ ngắn hạn	310		311.477.227.497	284.361.749.675
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	134.476.015.674	104.999.084.795
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	120.118.422.628	107.439.533.963
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	82.154.512	14.979.657
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	7.929.576.378	2.635.941.732
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	25.095.166.999	30.461.532.013
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	11.811.798.249	6.589.694.331
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	1.108.543.942	17.757.724.538
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.15)	10.855.549.115	14.463.258.646
II. Nợ dài hạn	330		60.474.519.156	73.808.254.176
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.16)	60.474.519.156	73.808.254.176
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.920.536.705	191.492.490.054
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17.1)	238.920.536.705	191.492.490.054
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	106.978.420.000	89.189.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			14.940.453.510
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(408.640.209)	(408.640.209)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.449.284.093	11.348.924.685
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.858.576.321	5.674.462.342
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.17.6)	102.042.896.500	70.747.389.726
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		610.872.283.358	549.662.493.905

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		735.123.035	552.450.545
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		79.978,46	159.979,37
+ EUR		949,84	949,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG

GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.003.395.578.131	851.762.971.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		22.948.525	13.985.280
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.003.372.629.606	851.748.986.551
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	854.392.696.559	728.958.149.077
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		148.979.933.047	122.790.837.474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.456.488.980	7.111.624.867
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	14.456.745.180	8.943.314.186
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		13.469.794.679	8.351.925.008
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	51.987.271.458	38.642.175.852
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	15.374.055.553	17.983.705.357
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.618.349.836	64.333.266.946
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	1.913.323.651	1.222.045.703
12. Chi phí khác	32		1.467.777.714	330.206.607
13. Lợi nhuận khác	40		445.545.937	891.839.096
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.063.895.773	65.225.106.042
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	6.776.903.279	5.227.857.195
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.9)	(4.048.736.891)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.335.729.385	59.997.248.847
18. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phần	70	(5.19.5)	6.927	6.745

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2014

GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.063.895.773	65.225.106.042
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		53.541.134.194	26.657.924.418
Các khoản dự phòng	03		(133.622.746)	15.674.980
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(354.588.331)	(369.629.269)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.893.848.406)	(6.502.763.410)
Chi phí lãi vay	06		13.469.794.679	8.351.925.008
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		134.692.765.163	93.378.237.769
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.358.429.286)	(4.679.480.580)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(45.262.582.731)	(9.738.044.323)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.202.269.662	1.752.178.820
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.648.693.631)	(12.138.463.077)
Tiền lãi vay đã trả	13		(13.399.334.574)	(14.448.423.744)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.886.981.257)	(5.857.070.066)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15.199.106.220)	(6.306.335.438)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.139.907.126	41.962.599.361
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.545.034.608)	(134.164.729.136)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.051.015.073	6.309.624.521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.494.019.535)	(127.855.104.615)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		359.987.340.618	348.629.805.867
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(341.982.408.379)	(284.195.545.783)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.711.973.765)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.894.690.000)	(22.236.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.398.268.474	42.197.710.084
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		30.044.156.065	(43.694.795.170)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		43.694.913.350	87.364.868.785
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.680.783	24.839.735
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		73.767.750.198	43.694.913.350

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN


NGUYỄN HOÀNG



GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 21 tháng 08 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.978.420.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 791 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí bản quyền, bảo hiểm tài sản, bảo hộ lao động, chi phí thuê đất, chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao	Tỷ lệ khấu hao nhanh
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm	1
+ Máy móc, thiết bị	05 năm	2
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm	2
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm	2
+ Tài sản cố định khác	04 năm	2

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 3 năm với tỷ lệ khấu hao nhanh là 2 lần.

4.8. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn trong trường hợp chúng được vốn hóa theo chính sách kế toán chi phí lãi vay của Công ty.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

4.9. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính:

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.11. Lương

Quý lương của Công ty được tính căn cứ vào Biên bản thống nhất đơn giá tiền lương đã được Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội ký duyệt vào ngày 07 tháng 05 năm 2013 như sau:

+ Bao bì Carton	:	9,8% doanh thu
+ Giấy bìa hộp	:	1.566.465 đồng/tấn
+ Bao bì Offsets	:	12,7% doanh thu

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quý dự phòng tài chính được trích bằng 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tuy nhiên không vượt 10% vốn điều lệ.

Quý đầu tư phát triển được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quý khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.17. Thuế

▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính, Trụ sở chính được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư tại Chi nhánh tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương áp dụng thuế suất 25%.

- *Thuế giá trị gia tăng:* Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất là 10%.
- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.18. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	99.337.421	38.189.183
Tiền gửi ngân hàng	58.668.412.777	12.656.724.167
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	31.000.000.000
Tổng cộng	73.767.750.198	43.694.913.350

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	193.486.877.813	156.448.185.807
Trả trước cho người bán	623.188.820	5.423.321.210
Các khoản phải thu khác	773.791.495	1.161.423.829
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	194.883.858.128	163.032.930.846
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(102.572.624)	(236.195.370)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	194.781.285.504	162.796.735.476

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty - Xem thêm Phụ lục 1. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 83.932.442 đồng - Xem thêm mục 8.

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp tại ngân hàng là 80 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.9.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.059.870.680	-
Nguyên liệu, vật liệu	117.031.867.098	74.663.487.164
Công cụ, dụng cụ	254.610.035	318.375.522
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.231.598.942	2.157.754.931
Thành phẩm	8.569.624.505	7.745.370.912
Cộng giá gốc hàng tồn kho	130.147.571.260	84.884.988.529
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	130.147.571.260	84.884.988.529

Giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp tại ngân hàng là 20 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	142.392.831.877	211.534.085.395	8.159.475.721	8.138.015.378	568.510.545	370.792.918.916
Mua trong năm	677.489.498	5.030.409.988	2.100.038.413	144.658.636	-	7.952.596.535
Phân loại sang CCDC	(61.732.000)	(1.216.140.539)	(31.081.818)	(1.780.946.935)	(127.314.727)	(3.217.216.019)
Điều chỉnh theo báo cáo quyết toán hoàn thành	(11.636.600.576)	(74.236.364)	-	(5.727.273)	-	(11.716.564.213)
Số dư cuối năm	131.371.988.799	215.274.118.480	10.228.432.316	6.495.999.806	441.195.818	363.811.735.219
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.393.365.627	134.762.373.395	6.121.647.940	3.038.641.251	88.867.994	164.404.896.207
Khấu hao trong năm	5.925.169.894	38.141.780.240	1.428.870.811	2.647.675.527	212.020.331	48.355.516.803
Phân loại sang CCDC	(61.732.000)	(1.084.363.700)	(15.256.819)	(1.278.093.168)	(25.819.675)	(2.465.265.362)
Số dư cuối năm	26.256.803.521	171.819.789.935	7.535.261.932	4.408.223.610	275.068.650	210.295.147.648
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	121.999.466.250	76.771.712.000	2.037.827.781	5.099.374.127	479.642.551	206.388.022.709
Tại ngày cuối năm	105.115.185.278	43.454.328.545	2.693.170.384	2.087.776.196	166.127.168	153.516.587.571

▪ Nguyên giá của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 175.385.080.000 đồng - Xem thêm mục 5.9 và mục 5.16.

▪ Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 138.059.644.804 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Các tài sản phân loại sang công cụ, dụng cụ là các tài sản cố định trước đây theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	VND	
	Máy móc, thiết bị	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	12.964.043.478	
Thuê tài chính trong năm	-	
Số dư cuối năm	<u>12.964.043.478</u>	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.296.404.348	
Khấu hao trong năm	5.185.617.391	
Số dư cuối năm	<u>6.482.021.739</u>	
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	11.667.639.130	
Tại ngày cuối năm	<u>6.482.021.739</u>	

5.6. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư góp vốn thành lập vào Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Tam Phước với số tiền là 4 tỷ đồng, tương đương 400.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ góp vốn là 1%.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	36.265.843.789	28.878.878.021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.192.561.572	2.310.190.565
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	1.466.780.936	361.764.616
Khác	<u>222.306.392</u>	-
Tổng cộng	<u>40.147.492.689</u>	<u>31.550.833.202</u>

5.8. Tài sản dài hạn khác

Chủ yếu là khoản đặt cọc 8% giá mua tài sản thuê tài chính với số tiền là 1.086.406.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.9. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	120.807.024.894	82.343.495.640
Vay Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ - Xem thêm mục 8	-	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	11.710.692.800	15.943.615.390
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	<u>1.958.297.980</u>	<u>1.711.973.765</u>
Tổng cộng	<u>134.476.015.674</u>	<u>104.999.084.795</u>

Vay ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 5%/năm đến 7,5%/năm. Các khoản vay này phải thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 80 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho là 20 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.3.
- Nguyên giá của tài sản cố định là 15.647.000.000 đồng - Xem thêm mục 5.4.

Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16.

Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16 và mục 10.

5.10. Phải trả người bán

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	120.118.422.628	107.439.533.963
Người mua trả tiền trước	<u>82.154.512</u>	<u>14.979.657</u>
Tổng cộng	<u>120.200.577.140</u>	<u>107.454.513.620</u>

Phải trả người bán là khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty - Xem thêm Phụ lục 1.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.812.607.312	-
Thuế nhập khẩu	-	375.820.969
Thuế thu nhập cá nhân	3.557.821.858	1.143.844.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.559.147.208</u>	<u>1.116.275.889</u>
Tổng cộng	<u>7.929.576.378</u>	<u>2.635.941.732</u>

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng thực tế chưa chi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.13. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê đất và phí quản lý	6.801.458.110	3.126.878.668
Chi phí vận chuyển	2.984.000.000	2.000.000.000
Chi phí gia công	-	479.025.635
Chi phí hơi bảo hòa	590.351.615	292.791.053
Chi phí lãi vay	264.960.524	140.680.975
Chi phí khác	<u>1.171.028.000</u>	<u>550.318.000</u>
Tổng cộng	<u>11.811.798.249</u>	<u>6.589.694.331</u>

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	9.065.951	4.469.700
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	550.793.091	11.889.026
Cổ tức phải trả	175.000	175.000
Thường Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	485.207.888	160.548.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>63.302.012</u>	<u>17.580.642.512</u>
Tổng cộng	<u>1.108.543.942</u>	<u>17.757.724.538</u>

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	14.463.258.646	10.167.287.214
Trích lập trong năm	10.727.389.989	9.409.154.478
Sử dụng trong năm	<u>(14.335.099.520)</u>	<u>(5.113.183.046)</u>
Số dư cuối năm	<u>10.855.549.115</u>	<u>14.463.258.646</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.16. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	54.421.629.588	65.797.066.628
Nợ thuê tài chính	<u>6.052.889.568</u>	<u>8.011.187.548</u>
Tổng cộng	<u>60.474.519.156</u>	<u>73.808.254.176</u>

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 96 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 66.132.322.388 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 11.710.692.800 đồng - Xem thêm mục 5.9.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nguyên giá của tài sản cố định là 159.738.080.000 đồng - Xem thêm mục 5.4.
- Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HDLĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 3 màu với thời hạn 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.011.187.548 đồng, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 1.958.297.980 đồng - Xem thêm mục 5.9.

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	57.336.610.000	54%	47.780.510.000	54%
Các cổ đông khác	49.641.810.000	46%	41.409.390.000	46%
Tổng cộng	106.978.420.000	100%	89.189.900.000	100%

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.17.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	8.894.690.000	22.236.550.000
+ Cổ tức năm 2011	-	4.447.170.000
+ Cổ tức năm 2012	-	17.789.380.000
+ Cổ tức năm 2013	8.894.690.000	-

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần X năm 2012 ngày 29 tháng 03 năm 2013:

- Cổ tức năm 2012 là 20%. Trong năm 2012, Công ty đã chi trả cổ tức là 20%/mệnh giá cổ phần.
- Cổ tức năm 2013 dự kiến được chia với tỷ lệ từ 20%/mệnh giá cổ phần trở lên. Và sẽ được công bố sau khi tổ chức đại hội cổ đông năm 2013. Trong quý 3 năm 2013 Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá cổ phần.

5.17.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	10.697.842	8.918.990
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	10.697.842	8.918.990
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	24.300	24.300
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	10.673.542	8.894.690
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	67.335.729.385	59.997.248.847
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	<u>9.720.586</u>	<u>8.894.690</u>
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>6.927</u>	<u>6.745</u>

5.17.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	70.747.389.726	47.853.366.006
Lợi nhuận sau thuế trong năm	67.335.729.385	59.997.248.847
Tăng khác	1.796.733.630	234.135.772
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(10.100.359.408)	(5.962.761.958)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(3.366.786.469)	(2.981.380.979)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.100.359.408)	(8.944.142.937)
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(627.030.581)	(465.011.541)
Chia cổ tức	(8.894.690.000)	(17.789.380.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	(1.346.714.588)	(1.192.552.392)
Phát hành cổ phiếu thưởng	(2.848.066.490)	-
Giảm khác	<u>(552.949.297)</u>	<u>(2.131.092)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>102.042.896.500</u>	<u>70.747.389.726</u>

Giảm khác là số tiền truy thu thuế TNDN năm 2012 theo quyết định truy thu số 208/QĐ ngày 30 tháng 07 năm 2013 và quyết định số 214/QĐ ngày 12 tháng 08 năm 2013 của Thanh Tra tỉnh Đồng Nai.

Tăng khác là số tiền tài sản thuế hoãn lại của phần lỗ của Chi nhánh năm 2012 do Công ty đã bù trừ vào lợi nhuận Công ty.

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán sản phẩm Carton	805.952.328.761	680.557.059.750
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	172.191.878.870	143.869.289.580
Doanh thu bán hàng khác	25.251.370.500	27.336.622.501
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>(22.948.525)</u>	<u>(13.985.280)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.003.372.629.606</u>	<u>851.748.986.551</u>

Trong đó, doanh thu bán sản phẩm cho Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ với số tiền là 10.671.155.090 đồng - Xem thêm mục 8.

6.2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	881.119.239	6.221.550.910
Lãi cho Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ vay - Xem thêm mục 8	612.729.167	281.212.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	208.052.243	206.585.514
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	354.588.331	369.629.269
Khác	<u>400.000.000</u>	<u>32.646.674</u>
Tổng cộng	<u>2.456.488.980</u>	<u>7.111.624.867</u>

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	12.546.489.124	8.152.272.231
Chi phí lãi vay Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ - Xem thêm mục 8	923.305.555	199.652.777
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	<u>986.950.501</u>	<u>591.389.178</u>
Tổng cộng	<u>14.456.745.180</u>	<u>8.943.314.186</u>

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	19.662.393.251	18.180.708.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.615.577.380	19.972.996.441
Chi phí bằng tiền khác	<u>7.709.300.827</u>	<u>488.470.545</u>
Tổng cộng	<u>51.987.271.458</u>	<u>38.642.175.852</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.625.520.098	9.573.565.917
Chi phí đồ dùng văn phòng	701.421.484	628.770.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	862.947.491	943.537.425
Thuế, phí, lệ phí	185.143.432	125.349.730
Chi phí dự phòng	(133.622.746)	15.674.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.649.679	790.135.551
Chi phí bằng tiền khác	5.144.996.115	5.906.671.035
Tổng cộng	15.374.055.553	17.983.705.357

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ bán phế liệu	516.856.876	563.650.504
Thu bồi thường	346.725.511	137.368.586
Hoàn nhập số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	374.255.645
Thu nhập khác	1.049.741.264	146.770.968
Tổng cộng	1.913.323.651	1.222.045.703

6.8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	70.063.895.773	65.225.106.042
Khoản lỗ phát sinh tại Chi nhánh Mỹ Phước và thu nhập khác chịu thuế suất 25%	16.194.947.562	(1.008.819.025)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	4.528.961.411	2.150.585.234
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(429.094.353)	(24.839.735)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	90.358.710.393	66.342.032.516
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	13.553.806.560	9.951.304.877
Trừ thuế TNDN được giảm (50%)	(6.776.903.280)	(4.975.652.439)
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập khác	-	252.204.756
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	6.776.903.280	5.227.857.195

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Khoản lỗ phát sinh tại Chi nhánh Mỹ Phước được cộng vào lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm do Công ty không bù trừ giữa lãi từ Trụ sở chính và lỗ từ chi nhánh để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản phải thu có gốc ngoại tệ.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ và thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN.

6.9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND
	Lỗ tính thuế chưa sử dụng
Số dư đầu năm trước	-
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm trước	-
Số dư đầu năm nay	-
Hạch toán tăng lợi nhuận từ thuế TNDN hoãn lại năm 2012	1.796.733.630
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2013	4.048.736.891
Số dư cuối kỳ	5.845.470.521

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	704.786.673.139	603.183.943.051
Chi phí nhân công	89.844.967.711	93.779.682.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.541.134.194	26.657.924.418
Chi phí dự phòng	(133.622.746)	15.674.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.086.183.066	37.913.599.840
Chi phí bằng tiền khác	40.873.239.654	17.996.552.734
Tổng cộng	937.998.575.018	779.547.377.306

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động của Công ty hoàn toàn là sản xuất giấy; bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại Bình Dương, Việt Nam. Trong kỳ, doanh thu phát sinh từ Trụ sở chính chiếm tỷ trọng 92,86% tổng doanh thu toàn Công ty. Theo đánh giá của Giám đốc Công ty, không có sự khác biệt đáng kể về môi trường kinh tế mà có thể ảnh hưởng đến rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý; cũng như chi nhánh nêu trên chưa đủ điều kiện để thuyết minh là một báo cáo bộ phận riêng biệt theo Chuẩn mực số 28 "Báo cáo bộ phận".

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay	-	11.000.000.000
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	83.932.442	237.435.462
Vay	-	(5.000.000.000)
Phải trả	-	(53.819.444)

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng - Xem thêm mục 6.1	10.671.155.090	9.655.163.345
Lãi cho vay - Xem thêm mục 6.3	612.729.167	281.212.500
Lãi vay - Xem thêm mục 6.4	(923.305.555)	(199.652.777)

- Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.346.714.588	1.192.552.392
Thu nhập của Giám đốc	756.512.099	897.224.904
Tổng cộng	2.103.226.687	2.089.777.296

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

9. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

VND

	Cuối năm
Máy móc và thiết bị	162.386.000

10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê máy in Flexo Sunrise 3 màu với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống - Xem thêm mục 5.9	1.958.297.980	1.711.973.765
Trên 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 5.16	6.052.889.568	8.011.187.548
Tổng cộng	8.011.187.548	9.723.161.313

11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.18.

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.767.750.198	43.694.913.350
Phải thu khách hàng và phải thu khác	193.434.305.189	156.474.051.816
Đầu tư dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	1.098.506.000	1.096.006.000
Tổng cộng	272.300.561.387	205.264.971.166

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Công nợ tài chính

Các khoản vay	194.950.534.830	178.807.338.971
Phải trả người bán	120.118.422.628	107.439.533.963
Chi phí phải trả	<u>11.811.798.249</u>	<u>6.589.694.331</u>
Tổng cộng	<u>326.880.755.707</u>	<u>292.836.567.265</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	4.788.273,80	5.321.735,66	141.732,85	228.593,16
Euro (EUR)		-	949,84	949,84

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	120.118.422.628	-	120.118.422.628
Chi phí phải trả	11.811.798.249	-	11.811.798.249
Các khoản vay	134.476.015.674	60.474.519.156	194.950.534.830
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	107.439.533.963	-	107.439.533.963
Chi phí phải trả	6.589.694.331	-	6.589.694.331
Các khoản vay	104.999.084.795	73.808.254.176	178.807.338.971

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	193.434.305.189	-	193.434.305.189
Đầu tư dài hạn	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.098.506.000	1.098.506.000

Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013

1. Phải thu khách hàng:

	Số tiền
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	48.922.391.372
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	18.490.320.952
Công ty Cổ phần Công nghiệp MASAN	13.911.171.126
Công ty TNHH Midea Consumer Electric Việt Nam	8.397.392.564
Công ty TNHH Nước Giải Khát Coca Cola Việt Nam tại Đà Nẵng	5.431.908.327
Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam	4.048.406.688
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	3.997.225.254
Công ty TNHH Công Nghiệp Thực Phẩm Việt Hưng	3.931.577.860
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	3.700.357.075
Khác	<u>82.656.126.595</u>
Cộng	<u>193.486.877.813</u>

2. Phải trả người bán:

	Số tiền
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	33.137.407.753
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	41.771.215.970
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	17.792.304.310
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	6.024.888.870
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	3.604.422.800
Công ty TNHH Chuen Huah Chemical	1.696.940.000
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	1.965.971.920
Khác	<u>14.125.271.005</u>
Cộng	<u>120.118.422.628</u>



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Lê Quốc Tuyên